|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 3:**  **KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 3 *Kịch bản chèo và tuồng*:

- Ôn tập một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại, chủ đề, thông điệp… Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá thể hiện trong kịch bản chèo hoặc tuồng.

- Ôn tập về sửa lỗi dùng từ (tiếp theo): các lỗi lặp từ, dùng từ không đúng quy tắc ngữ pháp, không hợp phong cách ngôn ngữ.

- Ôn tập cách viết và thực hành viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm đảm bảo các bước.

**2. Năng lực:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng phẩm chất tốt đẹp, đồng cảm với số phận bi kịch và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ; phê phán những thói hư tật xấu của con người.

- Trân trọng và giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1.Học liệu**:

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 10 Cánh diều, tập 1.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C.PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

**Phạm thị Phương Thảo- THPT Tân Trào -0346036292**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 1 buổi sáng:**

DẠY HỌC DỰ ÁN: Sân khấu hoá tác phẩm văn học

**GV chia lớp thành 4 nhóm với các nhiệm vụ sau: Đóng hoạt cảnh 4 văn bản trong SGK:**

*+ Xuý Vân giả dại*

*+ Mắc mưu Thị Hến*

*+ Thị Mầu lên chùa*

*+ Xử kiện*

* Các nhóm lên kịch bản và tập diễn một hoạt cảnh trong văn bản được giao.

**(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt sân khấu hoá văn bản chèo/ tuồng đã được phân công.

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét phần sân khấu hoá của nhóm bạn sau khi nhóm bạn diễn xong.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm sân khấu hoá tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 3. Kịch bản chèo và tuồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+*** VB1: *Xuý Vân giả dại (*trích vở chèo cổ *Kim Nham)*  + VB2: *Mắc mưu Thị Hến (*Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến)* |
| **Thực hành đọc hiểu:**  *Văn bản Thị Mầu lên chùa (*Trích vở chèo *Quan Âm Thị Kính)* |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Sửa lỗi dùng từ (tiếp theo) |
| **Viết** | **Viết:** Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. |
| **Nghe** | **Nói và nghe:** Thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau. |

**HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 3. Kịch bản chèo và tuồng.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,

- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi củaGV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 3.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG**

**Câu hỏi:**

* Hãy liệt kê lại các văn bản đọc hiểu của mỗi thể loại chèo cổ và tuồng trong bài học 3**.**
* So sánh các đặc điểm của hai thể loại chèo cổ và tuồng.
* Em hãy nêu những lưu ý khi đọc hiểu một kịch bản chèo hoặc tuồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHÈO CỔ** | **TUỒNG** |
| **1. Thế nào là nghệ thuật chèo cổ?**  - Chèo cổ (chèo sân đình/chèo truyền thống) là loại kịch hát, múa dân gian, kể chuyện, diễn kịch bằng hình thức sân khấu.  - Đây là bộ môn nghệ thuật tổng hợp của ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, tạo hình,… | **1. Thế nào là nghệ thuật tuồng?**  - Tuồng là loại kịch hát cổ truyền của dân tộc, phát triển mạnh ở triều Nguyễn, ở vùng Nam Trung Bộ.  - Đây là bộ môn nghệ thuật tổng hợp có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, hội hoạ và các trò diễn dân gian. |
| **2. Đặc trưng của nghệ thuật chèo cổ**  - Về nội dung tư tưởng:  + Phản ánh đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm của con người trong xã hội phong kiến.  + Ca ngợi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp của con người.  + Phê phán các thói hư tật xấu trong xã hội.  + Thể hiện sâu sắc tinh thần nhân văn.  - Về hình thức: Đây là bộ môn nghệ thuật tổng hợp của ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, tạo hình,… | **2. Đặc trưng của nghệ thuật tuồng**  - Về nội dung tư tưởng:  + Tuồng cung đình: Ca ngợi đạo lí vua tôi, lòng yêu nước, khát vọng đánh giặc bảo vệ đất nước, bảo vệ triều đinh.  + Tuồng hài: Phản ánh hiện thực xã hội gắn với cuộc sống sinh hoạt của nhân dân lao động, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu, đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội.  - Về hình thức: có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, hội hoạ và các trò diễn dân gian. |
| **3. Những vở chèo cổ đặc sắc**  *Quan Âm Thị Kính, Lưu Bình – Dương Lễ, Kim Nham, Trương Viên, Từ Thức*,… | **3. Những vở tuồng đặc sắc**  *-* Tuồng cung đình*: Sơn Hậu, Tam nữ đồ vương, Đào Tam Xuân,…*  *-* Tuồng hài*: Nghêu, Sò, Ốc, Hến; Trương Ngáo; Trương Đồ Nhục;…* |
| **4. Thế nào là kịch bản chèo?**  - Kịch bản chèo là phần nội dung chính của vở diễn, thường lấy các truyện cổ tích, truyện Nôm, truyện cười, được các nghệ nhân hoặc nhà sưu tầm nghiên cứu ghi chép lại thành văn bản.  - Kịch bản chèo có cốt truyện, nhân vật kèm lời thoại và các chỉ dẫn về bối cảnh, trang phục, hoạt động trên sân khấu,… | **4. Thế nào là kịch bản tuồng?**  Kịch bản tuồng là một văn bản có cốt truyện, nhân vật kèm lời thoại và các chỉ dẫn về bối cảnh, trang phục, hoạt động trên sân khấu,… |
| **5. Cách đọc hiểu văn bản chèo/ tuồng**  - Cốt truyện: văn bản kể lại sự việc gì và diễn biến của sự việc đó như thế nào?  **-** Nhân vật:Nhân vật chính là ai? Nhân vật được thể hiện qua các chi tiết ngôn ngữ, hành động, tâm trạng,… như thế nao?  - Xác định được những chỉ dẫn sân khấu, các hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,… được sử dụng để tái hiện bối cảnh, hành động, tâm trạng,… của nhân vật.  - Rút ra nội dung tư tưởng của vở chèo/ tuồng: Vở chèo/ tuồng phản ánh nội dung gì? Thể hiện tình cảm nhân đạo gì của tác giả dân gian?  - Rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân. | |

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 01 theo cặp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| ***Xuý Vân giả dại (*Trích chèo *Kim Nham)*** |  |  |
| ***Mắc mưu Thị Hến* (Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)** |  |  |
| ***Thị Mầu lên chùa* (Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*)** |  |  |

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

|  |
| --- |
| **ÔN TẬP: XUÝ VÂN GIẢ DẠI**  **(Trích chèo *Kim Nham*)** |

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Vở chèo Kim Nham**

**a. Vị trí**

***Kim Nham*** là một trong số các vở [chèo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A8o) cổ kinh điển của nghệ thuật sân khấu chèo [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam)

**b. Nội dung chính**

- Nêu cao bài học đạo lí khi thể hiện quan hệ gia đình, vợ chồng.

- Đồng thời cũng bộc lộ niềm cảm thông với thân phận người phụ nữ trong xã hội nam quyền xưa

**c. Tóm tắt**

Vở chèo kể tích *Kim Nham* – một học trò nghèo từ Nam Định lên Tràng An (Hà Nội) trọ học, được huyện Tể gả con gái là Xuý Vân – một cô gái nết na, thuỳ mị. Trong khi chờ đợi chồng “dùi mài kinh sử” xa nhà**, Xuý Vân**bị Trần Phương – một gã nhà giàu nổi tiếng phong tình ở Đông Ngàn (Bắc Ninh) tán tỉnh và xui nàng giả dại để thoát khỏi Kim Nham. Xuý Vân giả điên, Kim Nham tận tình chạy chữa không được đành phải trả tự do cho nàng. Trần Phương bội hứa, Xuý Vân đau khổ và điên thật. Kim Nham thành đạt, được bổ làm quan. Nhận ra vợ cũ điên dại phải đi ăn xin, Kim Nham bỏ nén bạc vào nắm cơm sai người đem cho, Xuý Vân nhận ra và xấu hổ nhảy xuống sông tự vẫn.

2. **Văn bản “Xuý Vân giả dại”**

**a. Bối cảnh đoạn trích:** Xuý Vân có cuộc sống hôn nhân sắp đặt bởi cha mẹ. Sống bên người chồng là Kim Nham chỉ mải mê đèn sách, Xuý Vân không tìm thấy hạnh phúc. Khi chồng xa nhà ôn thi, nàng bị Trần Phương dụ dỗ. Nghe lời nhân tình, Xuý Vân giả điên dại để Kim Nham buộc phải trả nàng về nhà, để có thể đi theo Trần Phương.

**b. Nhân vật và sự kiện**

**-** Nhân vật chính: Xuý Vân

- Sự việc chính**:** Xuý Vân giả dại để buộc Kim Nham trả tự do để đi theo Trần Phương.

=> “Xuý Vân giả dại” là lớp chèo thuộc loại đỉnh cao không chỉ của riêng vở *Kim Nham* mà còn của chung nền chèo cổ Việt Nam. Xuý Vân giả dại là hiện thân của số phận bi kịch bị giằng xé giữa khát vọng tình yêu và hạnh phúc đối với hoàn cảnh sống khắc nghiệt của người phụ nữ trong chế độ xưa. Sự bất bình đẳng trong xã hội cũ là một trong những nguyên nhân gây nên vô số những tấn thảm kịch số phận của người phụ nữ xưa. Xuý Vân là người phụ nữ đáng thương hơn đáng trách

**c.** **Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**

\***Nghệ thuật**:

- Ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, sinh động với lời nói, lời hát,…

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động, đặc biệt là qua diễn biến tâm trạng.

- Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật tinh tế.

- Sử dụng các chỉ dẫn sân khấu.

**\*Nội dung:**

*-* Dựng lên chân dung nhân vật Xúy Vân đầy bi kịch, qua đó phản ánh số phận đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

- Lên án xã hội phong kiến xưa, đồng thời đòi quyền được hưởng hạnh phúc cho người phụ nữ.

**d. Liên hệ**

Bài thơ “Xuý Vân” (Lê Đình Cánh)

**Xuý Vân**

*Bao người đã diễn Xuý Vân  
Sinh nghề tử nghiệp đến lần em đây  
Đang lành bỗng hoá dại ngây  
Xoã đầu bứt lá vứt đầy đường thôn  
Nói lời dại. Hát lời khôn  
Đường chua. Chanh ngọt… Chất dồn bấy nay  
Khóc là tỉnh. Cười là say  
Đời ơi sấp ngửa bàn tay mấy đời ?  
Đầu chạm đất. Chân đạp trời  
Xui khôn khiến dại một thời gió mưa…*

*Em gọi đò. Đò nỏ có thưa  
Em càng nén đợi càng trưa chuyến đò !  
Anh hồi hộp một nỗi lo  
Cầu mong tấn kịch sớm cho hạ màn  
Để em trở lại nhân gian  
Đời ơi sống với muôn vàn tin yêu.*

(Lê Đình Cánh)

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**: Đoạn trích “Xúy Vân giả dại” kể về việc:

A. Xúy Vân giả dại để buộc Kim Nham phải trả nàng về nhà để đi theo Trần Phương.

B. Xúy Vân đau khổ vì bị Trần Phương lừa gạt nàng trở nên điên dại thật

C. Xúy Vân vì không chịu nổi cảnh xa chồng nên nàng giả điên dại

D. Xúy Vân vì thương nhớ chồng trở nên điên dại

**Đáp án A**

**Câu 2:** Trong những câu sau, câu nào thể hiện tâm trạng tự thấy mình lỡ làng, dở dang của Xúy Vân?

A. Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng

B. Con gà rừng ức bởi xuân huyên

C. Con gà rừng ăn lẫn với công - Đắng cay chẳng có chịu được, ức!

D. Tôi càng chờ đợi càng trưa chuyến đò

**Đáp án D**

**Câu 3:** Trong những câu sau, câu nào thể hiện tâm trạng tự thấy mình lạc lõng, vô nghĩa trong gia đình Kim Nham của Xúy Vân?

A. Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng

B. Con gà rừng ức bởi xuân huyên

C. Con gà rừng ăn lẫn với công - Đắng cay chẳng có chịu được, ức!

D. Tôi càng chờ đợi càng trưa chuyến đò

**Đáp án C**

**Câu 4:** Trong những câu sau, câu nào thể hiện ước mơ gia đình đầm ấm trong giản dị của Xuý Vân?

A. Tôi không trăng gió lại gặp người gió trăng

B. Con gà rừng ức bởi xuân huyên

C. Con gà rừng ăn lẫn với công - Đắng cay chẳng có chịu được, ức!

D. Bao giờ bông lúa chín vàng - Để anh đi gặt, để nàng mang cơm.

**Đáp án D**

**Câu 5:** Trong những câu sau, câu nào thể hiện tâm trạng bế tắc, cô đơn của Xúy Vân?

A. Con cá rô nằm vũng chân trâu - Để cho năm, bảy cần câu châu vào.

B. Con gà rừng ức bởi xuân huyên

C. Con gà rừng ăn lẫn với công - Đắng cay chẳng có chịu được, ức!

D. Tôi càng chờ đợi càng trưa chuyến đò

**Đáp án A**

**Câu 6:** Điền khuyết: “*Tâm trạng của nhân vật Xúy Vân được thể hiện đặc sắc qua hình ảnh…….khi thì kín đáo, khi thì bóng bẩy. Tất cả làm thành một nội tâm phong phú, đầy tính bi kịch.*”

A. So sánh       B. Ẩn dụ       C. Hoán dụ       D. Chơi chữ

**Đáp án B**

**Câu 7:** Điều gì đã tạo nên mâu thuẫn trong tâm trạng của Xúy Vân trong đoạn trích ?

A. khát vọng giữa tình yêu và đạo đức

B. khát vọng giữa tình yêu và thực tại

C. khát vọng giữa tình yêu và cuộc sống.

D. Cả A và B

**Đáp án D**

**Câu 8:** Những câu hát “*bông bông dắt, bông bông díu-xa xa lắc, xa xa líu*”là những câu :

A. vô nghĩa, Xúy Vân hát để giả điên

B. thể hiện cuộc sống vợ chồng của nàng

C. đệm thêm cho lời hát có vần, có điệu.

D. chỉ là lời của bài hát, không có ý nghĩa gì.

**Đáp án B**

**Câu 9:** Điền khuyết: “*Sự đan cài giữa những câu hát……….và…………cũng như hát xuôi và hát ngược đều tập trung diễn tả tâm trạng của Xúy Vân, vừa đau khổ, vừa bi kịch*.”

A. điên dại, buồn bã        B. điên dại, tỉnh táo

C. điên dại, chân thật      D. điên dại, giả dối

**Đáp án B**

**Câu 10:** Nguyên nhân bi kịch của cuộc đời Xúy Vân là do:

A. Cha mẹ ép duyên

B. Do Kim Nhan không yêu thương nàng

C. Do bị Trần Phương lừa dối tình cảm

D. Chế độ phong kiến với chế độ hôn nhân “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” cùng lễ giáo phong kiến khắt khe kiềm toả khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của con người.

**Đáp án D**

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề bài:**  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

**(***Xuý Vân vốn được cha mẹ sắp đặt gả cho Kim Nham, một học trò nghèo. Sau khi cưới, Kim Nham lên kinh dùi mài kinh sử; Xuý Vân buồn bã trong cảnh đợi chờ. Xuý Vân bị Trần Phương- một gã nhà giàu phong tình tán tỉnh, xui nàng giả điên để thoát khỏi Kim Nham. Xuý Vân nghe theo*.)

XUÝ VÂN: […]

Chị em ơi!

Ra đây có phải xưng danh, không nào?

(*Đ*ế(1)) Không xưng danh ai biết là ai?

XUÝ VÂN:

Bước chân vào, tôi thưa rằng vậy,

Chẳng giấu gì Xuý Vân là tôi.

Tuy dại dột, tài cao vô giá,

Thiên hạ đồn rằng tôi hát hay đã lạ,

Ai cũng gọi là cô ả Xuý Vân.

Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương,

Nên đến nỗi điên cuồng rồ dại.

(*Hát điệu con gà rừng(2)*):

Con gà rừng, con gà rừng ăn lẫn với công,

Đắng cay chẳng có chịu được, ức!

Mà để láng giềng ai hay?

Bông bông dắt, bông bông díu,

Xa xa lắc, xa xa líu,

Láng giềng ai hay, ức bởi xuân huyên(3),

Chờ cho bông lúa chín vàng,

Để anh đi gặt, để nàng mang cơm.

Bông bông dắt, bông bông díu,

Xa xa lắc, xa xa líu,

Láng giềng ai hay, ức bởi xuân huyên.

(*Tiếng trống nhịp nổi lên, Xuý Vân múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt cửi. Múa xong, Xuý Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệc*h(4)…)  
 *(*Trích *Xuý Vân giả dại,* chèo *Kim Nham,* Theo Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam, tập một – *Văn học dân gian*, BÙI VĂN NGUYÊN – ĐỖ BÌNH TRỊ chọn lọc, chú thích, giới thiệu, NXB Giáo dục, 1975*)*

**Chú giải:**

1. *Đế:* nói chêm vào lời của diễn viên trên sân khấu chèo (người nói là khán giả hoặc các diễn viên khác đứng sau sân khấu đối đáp với các diễn viên trên sân khấu).
2. *Điệu con gà rừng*: một điệu hát chèo, thường được dùng khi muốn diễn tả nỗi niềm đắng cay, bực tức của nhân vật.
3. *Xuân huyên:* cha mẹ (*xuân*: một loại cây to, sống lâu, được dùng để chỉ người cha; *huyên*: một loài cây lá nhỏ, dài, thường ví với mẹ).
4. *Điệu sa lệch:* một điệu hát chèo, thường được dùng khi cần thể hiện tâm trạng lưu luyến, nhớ thương hay ai oán.

**Câu 1.** Chỉ ra các chỉ dẫn sân khấu có trong đoạn trích trên.

**Câu 2.** Trong lời xưng danh, Xuý Vân kể điều gì về bản thân? Qua đoạn xưng danh, có thể nhận ra những đặc điểm gì của sân khấu chèo?

**Câu 3.** Những câu hát sau cho thấy ước mơ gì của Xuý Vân?

*“Chờ cho bông lúa chín vàng,*

*Để anh đi gặt, để nàng mang cơm*.”

**Câu 4.** Thực tế cuộc sống của Xuý Vân trong gia đình chồng như thế nào? Những câu hát nào diễn tả điều đó?

**Câu 5**. Qua đoạn trích, em thử lí giải nguyên nhân vì sao Xuý Vân lại “Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương”?

**Câu 6.** Theo em, Xuý Vân đáng thương hay đáng trách? Hãy câu trả lời trong đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu).

**Câu 7.** Nếu nhân vật Xuý Vân sống ở thời hiện đại, theo em, nàng có thể chọn cách giải thoát cho bi kịch của bản thân như thế nào?

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Các chỉ dẫn sân khấu:

* Lời nói đế:*Không xưng danh ai biết là ai?*
* Âm nhạc và hành động của nhân vật trên sân khấu: *Tiếng trống nhịp nổi lên, Xuý Vân múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt cửi. Múa xong, Xuý Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệc*h…

**Câu 2:**

**-**Trong lời xưng danh, Xuý Vân kể về bản thân:

+ là một người có tài cao (hát hay), mọi người gọi là cô ả Xuý Vân.

+ nhưng lại dại dột phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương, nên nghe theo lời xui của hắn giả điên cuồng rồ dại.

- Qua đoạn xưng danh, có thể nhận ra những đặc điểm của sân khấu chèo:

+ Nhân vật xưng danh: đầy đủ tên họ, tính cách.

+ Sự tương tác giữa người xem và người diễn.

**Câu 3:** Những câu hát sau cho thấy ước mơ của Xuý Vân mong có một gia đình đầm ấm, vợ chồng cùng nhau lao động, sẻ chia ngọt bùi.

**Câu 4:**

Thực tế cuộc sống của Xuý Vân trong gia đình chồng được thể hiện qua những câu hát:

*“Con gà rừng, con gà rừng ăn lẫn với công,*

*Đắng cay chẳng có chịu được, ức!*

*Mà để láng giềng ai hay?*

*Bông bông dắt, bông bông díu,*

*Xa xa lắc, xa xa líu”*

+ “*Gà rừng ăn lẫn với công*” : Hình ảnh ẩn dụ cho sự không hoà hợp giữa hai vợ chồng, Xuý Vân thấy mình lạc lõng, vô nghĩa trong gia đình Kim Nham.

+ Lời hát lặp lại *"xa xa lắc, xa xa líu"*: Hạnh phúc sum vầy xa lắc xa lơ, mãi mãi chỉ là khát khao.

Xuý Vân có sự mâu thuẫn giữa khát vọng, mơ ước và thực tế.

**Câu 5.** Qua đoạn trích, ta có thể lí giải nguyên nhân dẫn đến hành động của Xuý Vân: “*Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương*” là do nàng không tìm được hạnh phúc trong cuộc hôn nhân với Kim Nham, nên nàng đi theo Trần Phương – người mà nàng coi như tri kỉ, tri âm, người cảm thông với mình. Đây là hành động vượt qua rào cản của lễ giáo phong kiến để chạy theo tình yêu tự do.

**Câu 6.** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**- Hình thức:** Đảm bảo dung lượng số câu không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** HS bày tỏ suy nghĩ về nhân vật Xuý Vân.

+ Xuý Vân đáng trách vì đã phụ lại chồng, đi theo nhân tình, đi ngược lại với đạo đức, lễ giáo phong kiến.

+ Xuý Vân đáng thương vì nàng có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ban đầu khi mới cưới, nàng cũng có ước mơ giản dị, chính đáng. Nhưng ước mơ đó lại không cùng lí tưởng với chồng nàng kà Kim Nham và gia đình chàng. Xuý Vân rời vào tình cảnh lạc lõng, cô đơn trong gia đình chồng. Nên nàng mới chạy theo Trần Phương – người tưởng như là tri âm tri kỉ với nàng. Nhưng đáng thương thay, nàng lại bị Trần Phương lừa gạt.

**Câu 7.** HS bộc lộ suy nghĩ. **HS cần c**hú ý đến sự khác biệt giữa thời đại, chuẩn mực xã hội và hoàn cảnh sống của nhân vật giữa hai thời đại phong kiến – hiện đại để lí giải quan điểm.

Ví dụ:  Nếu nhân vật Xúy Vân trong vở chèo *Kim Nham* sống ở thời điểm hiện đại có thể giải thoát bi kịch của bản thân theo cách tích cực hơn, chứ không phải chọn con đường là giả điên để theo người tình:

+ Trong cuộc hôn nhân với Kim Nham, khi không tìm thấy tiếng nói chung, khi sống không hạnh phúc thì Xuý Vân có thể nói chuyện thẳng thắn về mong muốn của mình với chồng để mong chồng hiểu được tâm trạng, mong muốn của bản thân nàng.

+ Nếu 2 người không thể tìm thấy tiếng nói chung thì có thể chia tay trong hoà bình để mỗi người đi tìm hạnh phúc riêng chứ nàng không cần phải giả điên để chồng ruồng rẫy.

+ Hơn nữa, trước khi muốn kết thúc mối quan hệ vợ chồng với Kim Nham để chạy theo tình yêu của Trần Phương thì nàng phải tìm hiểu kĩ con người kia là như thế nào chứ không vì cảm xúc nhất thời mà buông bỏ mái ấm đang có.

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Câu hỏi:** Phân tích nỗi niềm của nhân vật Xuý Vân được thể hiện qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại” (trích chèo *Kim Nham*)

**Gợi ý**

### \***Bảng kiểm đánh giá bài văn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết bài văn phân tích nỗi niềm của nhân vật Xuý Vân được thể hiện qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại”** | **Đạt/chưa đạt** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. |  |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Phân tích nỗi niềm của nhân vật Xuý Vân được thể hiện qua lớp chèo “Xuý Vân giả dại”. |  |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \* Giới thiệu tác phẩm chèo, đoạn trích *Xuý Vân giả dại*, vấn đề nghị luận. |  |
| **\* Phân tích nỗi niềm của Xuý Vân trong đoạn trích:**   * Phân tích làm rõ cho nỗi niềm của Xuý Vân:   + Qua tiếng gọi chờ đò  + Qua điệu hát con gà rừng  + Qua lời hát sắp, hát ngược  *-* Nhận xét chung:  + Đoạn trích dựng lên chân dung nhân vật Xúy Vân đầy bi kịch, qua đó phản ánh số phận đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  + Qua đó, lên án xã hội phong kiến xưa, đồng thời đòi quyền được hưởng hạnh phúc cho người phụ nữ. |  |
| ***\**** Nhận xétvềđặc sắc nghệ thuật và biểu hiện làm rõ:  + Ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, sinh động với lời nói, lời hát,…  + Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật tinh tế: qua hành động, ngôn ngữ,…  + Sử dụng các chỉ dẫn sân khấu. |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

### \* **Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức bài văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã đánh giá được nỗi niềm của nhân vật Xuý Vân qua trích đoạn *Xuý Vân giả dại* theo cảm nhận của riêng em chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

**Dàn ý tham khảo:**

**I. Mở bài**  
- Giới thiệu chung về chèo cổ: còn gọi là chèo truyền thống hay chèo sân đình, là một thể loại sân khấu kịch hát dân gian đặc sắc, sản phẩm nghệ thuật của nông thôn các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Nghệ thuật chèo là nghệ thuật tổng hợp, phối hợp nhuần nhuyễn giửa kịch bản, lời hát, động tác và âm nhạc.  
- Đoạn *Xúy Vân giả dại* trích trong vở chèo *Kim Nham* là một trong những trích đoạn hay nhất của chèo cổ Việt Nam.  
**II. Thân bài**   
**1. Tóm tắt nội dung vở chèo Kim Nham**  
*- Kim Nham* là người học trò nghèo ở Nam Định được viên huyện Tể gả con gái cho. Vợ chàng - Xúy Vân – đảm dang, khéo léo, chỉ ước mơ cùng chồng lao động, gần gũi bên nhau. Song Kim Nham lại lên Tràng An “dùi mai kinh sử”, Xúy Vân buồn bã trong cảnh chờ đợi. Nàng bị một gả nhà giàu là Trần Phương tán tỉnh. Theo mưu kế của tình nhân, Xúy Vân giả điên để bỏ chồng. Sau đó, nàng lại bị hắn phụ tình. Xúy Vân đau khổ, từ giả điên thành điên thật. Kim Nham thi đỗ, làm quan. Chàng gặp vợ cũ đi ăn xin, sai người bỏ nén bạc vào nắm cơm, đem cho Xuý Vân. Nàng nhận được, hiểu ra, xấu hổ và đau đớn bèn nhảy xuống sông tự vẫn.   
- Đoạn trích thể hiện cảnh Xúy Vân giả dại, buộc Kim Nham phải trả mình về nhà để đi theo Trần Phương.  
**2. NỖI NIỀM CỦA XUÝ VÂN TRONG ĐOẠN TRÍCH “XUÝ VÂN GIẢ DẠI”**  
(1). Tâm trạng tự thấy mình đã lỡ làng, dở dang được bộc lộ qua lời hát: Tôi càng chờ càng đợi, càng trưa chuyến đò. Chả nên gia thất thì về. Ở làm chi nữa chúng chê bạn cười. Hình ảnh cô gái càng chờ đợi, con đò càng không tới đã cụ thể hóa sự bẽ bàng, lỡ dở của cô.  
Tâm trạng tự thấy mình lạc lõng, vô nghĩa trong gia đình Kim Nham được thể hiện qua hình ảnh Gà rừng ăn lẫn với công, đắng cay chẳng chịu được, ức...  
(2). Tâm trạng thất vọng giữa ước mơ gia đình hạnh phúc đầm ấm, anh đi gặt, nàng mang cơm, với thực tại chồng mải mê đèn sách, thi cử, bỏ mặc nàng một mình cô đơn với gánh nặng gia đình. Cho nên, lời hát: Bông bông dắt, bông bông diu -  Xa xa lắc, xa xa líu được lặp đi lặp lại đã phản ánh bằng hình ảnh cụ thể tâm trạng đó. Nhân duyên, khiến họ phải gắn bó, dắt díu, ràng buộc với nhau, nhưng những ao ước của họ khác xa nhau, không thể sẻ chia.

Sau mỗi lời bộc bạch là điệp ngữ: Láng giềng ai hay, ức bởi xuân huyên cho thấy nỗi cô đơn và khát khao hạnh phúc của cô không thể chia sẻ với láng giềng, cũng không được sự đồng cảm của cha mẹ.  
(3). Tâm trạng ấm ức, bế tắc, cô đơn của Xúy Vân được thể hiện qua hình ảnh Con cá rô nằm vũng chân trâu – Để cho năm bảy cần câu châu vào... Hình ảnh gợi bóng gió về không gian cạn, hẹp và đầy bất trắc. Đó cũng là tình cảnh của Xúy Vân.  
(4). Những câu hát ngược cuối đoạn trích vừa thể hiện đầu óc điên dại của Xúy Vân vừa gợi hình ảnh ngược đời, trớ trêu, điên đảo, đúng sai, thực giả lẫn lộn mà cô đã chứng kiến, đồng thời diễn tả sự bế tắc, mất phương hướng của cô.  
=>Tóm lại, tâm trạng Xúy Vân được thể hiện đặc sắc qua những hình ảnh ẩn dụ có khi kín đáo, khi bóng bẩy, khi được giấu giữa những câu hát điên dại tưởng như vô nghĩa, khi lại là những câu nói ngược... Tất cả tạo nên nội tâm phong phú, rối bời, đầy tính bi kịch.  
 **III. Kết bài**  
- Khát vọng hạnh phúc của Xúy Vân là chính đáng nhưng không thực hiện được trong chế độ phong kiến gia trưởng.  
- Hiểu và cảm thông nội tâm đặc sắc của nhân vật Xúy Vân, ta càng hiểu nội dung, ý nghĩa sâu sắc của đoạn trích.  
- Qua đó, hiểu được chèo cổ là món ăn tinh thần đáng quý của nhân dân đồng bằng Bắc Bộ, có thái dộ trân trọng, gìn giữ đối với nghệ thuật truyền thống độc đáo của dân tộc.

**BUỔI 2:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: MẮC MƯU THỊ HẾN**

**(Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Vở tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”**

**a. Thể loại:** Tuồng hài (tuồng đồ)

**b. Vị trí**

Là tác phẩm tiêu biểu trong di sản tuồng truyền thống và là vở tuồng hài thuộc loại xuất sắc nhất.

**c. Nội dung chính**

Tác phẩm châm biếm sâu sắc nhiều thói tật trong xã hội và lật tẩy bộ mặt xấu xa của một số kẻ thuộc bộ máy cai trị ở địa phương trong xã hội xưa.

**2. Văn bản “Mắc mưu Thị Hến”**

**a. Bối cảnh đoạn trích:** Sau khi giúp đỡ Thị Hến thoát tội tàng trữ của gian ở công đường, cả thầy đề và quan huyện đều cùng muốn hẹn hò với Thị. Lũ háo sắc ấy (còn có thêm Nghêu - một thầy tu phá giới, sa đoạ) đã rơi vào bẫy của Thị Hến khi cùng giáp mặt nhau tại nhà chị ta. Cả 3 phải một phen bẽ mặt.

**b. Nhân vật:** Thị Hến – Nghêu – Đề Hầu – Huyện Trìa.

**c.** **Tóm tắt đoạn trích:**

Ba người Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa đều muốn tán tỉnh Thị Hến. Trời tối Thị Hến hẹn Nghêu đến đến nhà, nhưng Nghêu không biết được Thị Hến mời luôn cả hai người kia đến. Nghêu đến đầu tiên, khi đang ngồi ngồi tán tán tỉnh Thị Hến thì Đề Hầu gõ cửa vào khiến Nghêu phải chui vào gầm phản trốn. Khi Đề Hầu vào nhà chưa được ấm chỗ thì Huyện Trìa đến, Đề Hầu vội tìm chỗ trốn. Khi đủ cả ba người trong nhà, Thị Hến liền bày mưu để cho Nghêu từ gầm giường bò ra, Đề Hầu ngồi trong thúng chui ra. Tất cả cùng xuất đầu lộ diện và bị một phen bẽ mặt.

**d. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**\*Nghệ thuật:**

- Tạo tình huống gây cười

- Xây dựng những chân dung nhân vật qua ngôn ngữ và hành động sinh động.

- Sử dụng một số thủ pháp gây cười nhằm tạo tiếng cười châm biếm, phê phán.

**\* Ý nghĩa của đoạn trích:**

- Tạo ra tiếng cười nhằm châm biếm, phê phán những thói hư tật xấu, những dục vọng tầm thường của bọn quan lại của bộ máy cai trị phong kiến. Qua đó, đoạn trích phần nào cho thấy diện mạo của bức tranh làng quê phong kiến buổi suy tàn.

- Ca ngợi trí tuệ của nhân dân lao động.

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

(Sau khi giúp đỡ Thị Hến thoát tội tàng trữ của gian ở công đường, cả Đề Hầu và Huyện Trìa đều cùng muốn hẹn hò với Thị. Nghêu – một thầy tu phá giới, sa đoạ, đến tán tỉnh Thị Hến. Thị Hến hẹn Nghêu tối đến nhà, nhưng lại cho mời cả Huyện Trìa và Đề Hầu cùng đến. Ở nhà Thị Hến, khi Nghêu đang tán tỉnh thì Đề Hầu gõ cửa. Nghêu chui xuống gầm phản, Đề Hầu vào.)

 ĐỀ HẦU: […]

Đèn không khêu không tỏ

Chuông không đánh không kêu

(Ta nói thiệt)

Đó không thương đây cũng quyết liều

(Chừ) Duyên đã khẳn(1) nường tua(2) giữ dạ.

THỊ HẾN: Ân ái việc còn thong thả

Rượu trà xin hãy vui chơi!

Chẳng mấy khi đặng một hiệp một nơi,

Bây giờ đã gặp nhau hai mặt.

(Chừ có việc này)

Tôi xin hỏi thiệt, thầy khá tỏ bày!

Thầy hằng xem luật lệ xưa nay,

Tu (mà) phá giới, tội chi khinh trọng(3) (thưa thầy?)

ĐỀ HẦU: Lỗ tai nghe quá chướng,

Trong luật lệ rất to,

Hễ phá giới tức hành trảm quyết(4)!

(*Huyện Trìa tới*)

HUYỆN TRÌA: (*Nói ngoài cửa*)

Viên ngoại diêu văn tế thuyết,

Môn tiền hữu ngã quan nhơn(5)

Mở cửa ra! Mau tiếp đại tân!

Ớ mụ! Kíp kíp ra mời quan Huyện (nào)!

ĐỀ HẦU: (Chui chao!)

Văn ngôn sắc biến! Sắc biến!

Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh(6)!

Nếu mà ông Huyện tri tình,

Chắc hẳn thầy Đề mang khổ!

(*Đề Hầu trốn, ông Huyện vào*)

HUYỆN TRÌA: […]

Ta nghỉ ngơi kẻo mệt

Nói dài lắm cũng buồn

Khuyên khuyên xin chớ làm tuồng

Bớt bớt xin đừng nói bợm!

THỊ HẾN: Sợ gan ruột đàn ông nhiều lớp,

Việc nợ duyên dễ thiếp mấy nơi?

Rượu trà hãy xin mời,

Ái ân rồi có đó.

(Bây giờ tôi xin nhờ quan)

Vốn tôi chưa rõ,

Xin hỏi một lời:

Người từng xem luật lệ nơi nơi,

(Là) Có một việc ở đời lạ lạ.

Rầy có chú thầy tu rất chạ(7),

Hay tới nhà mà ve vãn bà goá,

Đã xuất gia, phá giới làm vơ,

Thời luật pháp xử chi cho rõ?

HUYỆN TRÌA: (Uẩy!)

Nói làm chi việc rối,

Ai có tiếc làm chi

Phàm tu hành mà đã xuất gia,

Có phá giới đánh đòn phát lạc(8)!

NGHÊU: (*Từ gầm giường bò ra*)

Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc!

Thiện xử phân! Thiện xử phân(9)!

(Bẩm quan lớn, lời quan dạy rất minh, chớ thầy Đề ngồi trong thúng mơ nói mới ức chớ! Bẩm quan lớn!). […]

Chơn vi phụ mẫu chi dân(10)!

(Chứ thầy Đề)

Chỉ thị dâm ô chi loại(11)!

Như thầy tu phá giới

Thời bất quá đánh đòn.

Còn thầy Lại phạm gian,

Thật ắt là tội chết!

ĐỀ HẦU: (*Lồm cồm bò ra*)

Đầu đuôi tại mụ Hến

Mưu mẹo bởi lão thầy tu

Rày quan Huyện trớ trêu

Mắc đàn bà quá tội.

[…]

(Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc Hến,* Theo *Tổng hợp văn học Việt Nam*, tập 12,

NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000)

**Chú giải:**

1. *Duyên đã khẳn:* duyên đã hứa
2. *Tua:* hãy, nên
3. *Khinh trọng*: nặng nhẹ (*khinh:* nhẹ*, trọng*: nặng)
4. *Trảm quyết*: chém đầu
5. Ngôn từ trong tuồng dân gian chủ yếu là ngôn từ thuần Việt nhưng vẫn xen kẽ một số câu chữ Hán có ý vị hài hước. “*Viên ngoại diêu văn tế thuyết, / Môn tiền hữu ngã quan nhơn*”: Ngoài vườn nghe tiếng nhỏ, to /Trước cửa có ta, một vị quan nhân.
6. *Văn ngôn sắc biến! Sắc biến!/ Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh:* Nghe nói biến sắc, nghe nói kinh hồn!
7. *Chạ:* lẫn lộn, bừa bãi. Nghĩa trong bài: Không tuân theo các quy định của việc tu hành.
8. *Phát lạc:* chiếu lệ cho có.
9. *Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc!/ Thiện xử phân! Thiện xử phân:* Lòng vui sướng! Lòng vui sướng! Phân xử đúng/ Phân xử đúng.
10. *Chơn vi phụ mẫu chi dân:* Thật đúng là cha mẹ của dân.
11. *Chỉ thị dâm ô chi loại:* Đích thị là loại dâm ô.

**Câu 1.** Chỉ ra các chỉ dẫn sân khấu có trong đoạn trích trên.

**Câu 2.** Xác định bối cảnh (không gian, thời gian) và các nhân vật tham gia câu chuyện trong đoạn trích trên.

**Câu 3.** Chỉ ra thái độ và hành động của Đề Hầu khi nghe tiếng quan huyện nói ngoài cửa nhà Thị Hến.

**Câu 4.** Theo em, Thị Hến có mục đích gì khi hỏi cả Đề Hầu và Huyện Trìa cùng một nội dung?

* Hỏi Đề Hầu: “*Tu (mà) phá giới, tội chi khinh trọng(thưa thầy?)”*
* Hỏi Huyện Trìa: “*Đã xuất gia, phá giới làm vơ,/ Thời luật pháp xử chi cho rõ?”*

**Câu 5.** Theo em, nhân vật Nghêu đang chui trong gầm phản có phản ứng như thế nào trước lời phán của Đề Hầu và lời phán của Huyện Trìa?

**Câu 6.** Trong đoạn trích, tác giả dân gian bày tỏ thái độ như thế nào đối với các nhân vật? Theo em, tiếng cười của đoạn trích có còn ý nghĩa trong cuộc sống hôm nay không?

**Câu 7.** Em ấn tượng với nhân vật nào trong đoạn trích? Vì sao? Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn khoảng 3 – 5 câu.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Các chỉ dẫn sân khấu: giúp hình dung về hành động, cử chỉ của nhân vật trên sân khấu.

Huyện Trìa (*Nói ngoài cửa*); (*Đề Hầu trốn, ông Huyện vào*); Nghêu (*Từ gầm giường bò ra*); Đề Hầu (*lồm cồm bò ra)*

**Câu 2:**

- Không gian: tại nhà riêng của Thị Hến – một người đàn bà goá chồng (không gian hẹp chỉ có từ trong nhà Thị Hến ra đến cửa khi có người đến).

- Thời gian: Đêm tối

- Nhân vật: Thị Hến – Nghêu – Đề Hầu – Huyện Trìa.

**Câu 3:** Thái độ và hành động của Đề Hầu khi nghe tiếng quan huyện nói ngoài cửa nhà Thị Hến:

* Thái độ: lo lắng, sợ bị phát hiện đến nhà Thị Hến để tư tình.
* Hành động: Tìm chỗ trốn (ngồi trong thúng mơ)

**Câu 4:** Thị Hến hỏi cả Đề Hầu và Huyện Trìa cùng một nội dung về hình phạt cho thầy tu phá giới (ám chỉ Nghêu). Mục đích của Thị Hến để tạo ra mâu thuẫn giữa các nhân vật, buộc chúng phải lộ diện, tố tội nhau, từ đó làm cho cả 3 bị bẽ mặt.

**Câu 5.** Dự đoán phản ứng của Nghêu trước lời phán của Đề Hầu và lời phán của Huyện Trìa:

* Khi nghe lời phán của Đề Hầu: Có thể Nghêu sợ hãi bị chém đầu (hễ phá giới tức hành trảm quyết) hoặc tức giận trước lời phán của Đề Hầu.
* Khi nghe lời phán của Huyện Trìa: thấy hả dạ, vui sướng vì Huyện Trìa xử nhẹ tội (thầy tu phá giới đánh đòn cho có lệ).

**Câu 6:**

**\***Thái độ của tác giả dân gian đối với các nhân vật:

**-** Phê phán, châm biếm với các nhân vật Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa qua các hành động, ngôn ngữ nhân vật.

- Đồng tình với cách ứng xử của Thị Hến.

\*HS bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa củatiếng cười châm biếm ở đoạn trích trong cuộc sống hôm nay: Tiếng cười châm biếm trong đoạn trích vẫn nguyên ý nghĩa, giá trị khi xã hội vẫn còn tồn tại những cái xấu xa, tiêu cực.

**Câu 7:** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**- Hình thức:** Đảm bảo dung lượng số câu không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** HS bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật mà mình ấn tượng trong đoạn trích:

+ **Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa:** đại diện cho một số hạng người trong xã hội với bản tính trăng hoa, hành động trái ngược lại với chức trách và luân thường đạo lí. Tiếng cười đả kích, châm biếm đặc biệt nhắm tới những kẻ đại diện cho bộ máy nhà nước phong kiến lúc bấy giờ với bộ mặt bề ngoài đạo mạo nhưng ẩn giấu bên trong bản chất suy đồi với những dục vọng tầm thường.

+ **Thị Hến** là một người phụ nữ goá chồng, bằng trí thông minh, tài ăn nói khéo léo đã dạy cho những kẻ háo sắc kia một bài học, biến chúng thành trò cười. Hơn nữa, Thị cũng một lòng giữ vẹn đạo hạnh, không màng chuyện nhân duyên, trai gái.

**ĐỌC HIỂU VB NGOÀI SGK**

**Đề số 02: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

TRI HUYỆN

[…]

Quan chức nghĩ nên thú vị

Vào ra cũng phải chuyên cần

ĐỀ LẠI (*bước ra*)

Bẩm quan ạ!

TRI HUYỆN

Vâng, chào thầy. A, thầy Đề này, hôm nay sao mà

(*Nói lối)*

Nha lại vắng bẩm thân

Dân xã không đấu cáo(1)

ĐỀ LẠI

Vâng, hôm nay chả thấy ai kiện cáo gì cả. Còn vụ Thị Hến, Nguyễn Sò quan đã định dứt khoát thế nào chưa?

TRI HUYỆN

Vụ ấy à? Ý thầy thế nào? (*không đợi đề lại trả lời*) Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được.

ĐỀ LẠI

Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hến thì liệu xử cho xong, bọn này toàn đầu trọc cả.

TRI HUYỆN

Phải, nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu. (*cười khoái trá*) Xử Ốc năm năm tù, Nghêu phạt đòn năm trục trượng, lí trưởng đòi ăn lót cần phạt trừng giới(2) năm mươi quan tiền.

ĐỀ LẠI

Bẩm quan xử thật sâu sắc, nhưng đã xử Nghêu và Ốc rồi thì lấy lí gì mà không xử Sò và Hến được.

TRI HUYỆN (*cười*)

Ăn thua là những chỗ khó đấy đấy, lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào mà chả được. Thị Hến thì cũng có thể cho về nhưng chưa nên xử vội, vì xử Hến thì phải xử Sò, thầy hiểu chưa?

ĐỀ LẠI

Vâng ạ, quan xử hay lắm. (*gọi*) Lệ(3) đâu?

LÍNH LỆ A (*lễ phép bước ra*)

Bẩm quan dạy ạ.

ĐỀ LẠI

Ra đòi vụ Nguyễn Sò vào hầu, cả bên nguyên, bên bị, nhân chứng.

LÍNH LỆ A

Vâng ạ. (*quay đi*)

TRI HUYỆN

Lệ hầu đâu?

LÍNH LỆ B (*từ trong*)

Vâng. (cầm quạt lông ra hầu cạnh tri huyện)

(*Có tiếng lệ A nói to bên trong*: “Để ba người này vào trước. Đinh Ốc, Phan Nghêu vào sau, ngồi đầy”).

LÍNH LỆ A (*dắt lí trưởng, Trùm Sò và Thị Hến vào. Vừa vào, lệ A bấm mấy người đứng lại nói nhỏ*)

Nhắc lại, ông Trùm, anh xã và chị Hến biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đấy.

LÍ TRƯỞNG

Vâng, tôi biết anh tử tế lắm, chúng ta với nhau rồi.

TRÙM SÒ

Vâng, tôi xin hậu tạ, anh cứ giúp đỡ cho.

LÍNH LỆ A

Thế bây giờ đứng đây, tôi vào bẩm lại đã. (*chạy vào chắp tay trước bàn giấy tri huyện*).

Bẩm con đã đòi vụ Nguyễn Sò đến hầu ạ.

(Hoàng Châu Ký chỉnh lí*, Nghêu, Sò, Ốc, Hến*, NXB Phổ thông – Bộ Văn hoá, Hà Nội, 1957, tr.141 – 145)

**Chú giải:**

1. *Đấu cáo*: kêu cầu, thưa kiện, đòi phân xử.
2. *Trừng giới*: phạt để răn đe
3. *Lệ*: lính hầu

**Câu 1.** Chỉ ra các chỉ dẫn sân khấu có trong đoạn trích trên.

**Câu 2.** Nêu các sự việc chính trong đoạn trích**.** Xác định không gian diễn ra sự việc.

**Câu 3.** Chỉ ra các lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật từ tri huyện đến đề lại và lính lệ.

**Câu 4.** Đoạn trích cho thấy bản chất, thủ đoạn của các nhân vật chốn công đường như thế nào?

**Câu 5.** Tìm và nêu ý nghĩa của một câu tục ngữ/ thành ngữ trong đoạn trích.

**Câu 6.** Qua đoạn trích, em hiểu như thế nào về thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”?

**Câu 7**. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 3-5 câu) trình bày suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1:** Các chỉ dẫn sân khấu: giúp hình dung về hành động, cử chỉ của nhân vật trên sân khấu.

* Đề lại: (*bước ra), (gọi)* (lính lệ)
* Tri huyện: (*Nói lối),* (*không đợi đề lại trả lời*), (*cười khoái trá*), (*cười*)
* Lính lệ: (*lễ phép bước ra*), (*quay đi*), (*từ trong*), (*Có tiếng lệ A nói to bên trong), dắt lí trưởng, Trùm Sò và Thị Hến vào. Vừa vào, lệ A bấm mấy người đứng lại nói nhỏ*), (*chạy vào chắp tay trước bàn giấy tri huyện*)

**Câu 2:**

- Các sự kiện chính:

**+** Tri huyện và đề lại bàn mưu tính kế xử kiện như thế nào để có thể lấy được nhiều tiền nhất  
từ vụ án của Thị Hến và Nguyễn Sò.

+ Lính lệ ra gọi cả bên nguyên, bên bị, nhân chứng vào hầu và cũng đòi hưởng lợi.

- Không gian: tại huyện đường (nơi làm việc của bộ máy chính quyền thuộc đơn vị huyện thời phong kiến).

**Câu 3:** Các lời thoại cho thấy sự tương đồng về bản chất, thủ đoạn giữa các nhân vật từ tri huyện đến đề lại và lính lệ:

**Tri huyện:**

* *Tôi thì tôi nghĩ cứ để đu đưa như vậy đã. Thằng Sò này giàu lắm, chúng mình có thể “ấy” được.*
* *nắm đứa có tóc ai nắm kẻ trọc đầu. Xử Ốc năm năm tù, Nghêu phạt đòn năm trục trượng, lí trưởng đòi ăn lót cần phạt trừng giới năm mươi quan tiền.*
* *Ăn thua là những chỗ khó đấy đấy, lưỡi không xương nhiều đường lắt léo, nói thế nào mà chả được.*

**Đề lại:**

* *Vâng, ta cứ bảo là để tra cứu đã. Thưa còn thằng Ốc, thằng Nghêu, lí trưởng, Thị Hến thì liệu xử cho xong, bọn này toàn đầu trọc cả.*
* *Bẩm quan xử thật sâu sắc, nhưng đã xử Nghêu và Ốc rồi thì lấy lí gì mà không xử Sò và Hến được.*

**Lính lệ A:** *Nhắc lại, ông Trùm, anh xã và chị Hến biết rằng hôm nay quan bận lắm, tôi bẩm mãi quan mới chịu xử vụ này đấy*.

**Câu 4:**

Qua đoạn trích, ta thấy những kẻ cầm quyền chốn công đường là những kẻ xấu xa với bản chất tham lam, chuyên dùng quyền uy để nhũng nhiễu, ăn hối lộ đút lót của dân chúng khi xử kiện.

Hành vi xấu xa này của chúng đã xảy ra thường xuyên và lặp lại nhiều lần nên được phối hợp và diễn ra rất trơn tru. Tri huyện cho tới đề lại và lính lệ đều tính kế xử kiện như thế nào để có thể lấy được nhiều tiền nhất từ những kẻ có liên quan như Sò, Ốc và Nghêu. Cả đến tên lính lệ cũng nghĩ kế để moi tiền đút lót của những kẻ liên quan tới vụ kiện  
**Câu 5:**

* Tục ngữ *nắm đứa có tóc, (không) ai nắm kẻ trọc đầu*: Nghĩa trong đoạn trích: bóc lột, moi tiền cuả những kẻ có điều kiện hơn
* Thành ngữ *lưỡi không xương nhiều đường lắt léo:* Chỉ người thiếu trung thực, điêu toa, lật lọng. Trong đoạn trích, chỉ hành vi của tri huyện xử án đổi trắng thay đen.

**Câu 6:** Thái độ và cách nhìn nhận của người dân xưa đối với chốn “cửa quan”:

* Thái độ châm biếm đối với cách xử kiện của những kẻ đứng đầu chốn công đường.
* Có cái nhìn phê phán đối với những kẻ đại diện của bộ máy quan lại chốn công đường. Nhân dân nhìn ra bản chất giả dối của chúng là những kẻ tham lam, vô nhân tính, luôn muốn đục khoét tiền của của người khác, vơ vét cho đầy túi tham của bọn chúng chứ không hề có ý định xử kiện công bằng.

**Câu 7:** HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài

**- Hình thức:** Đảm bảo dung lượng số câu không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** HS bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật mà mình ấn tượng trong đoạn trích:

Đoạn trích đã thể hiện cái nhìn châm biếm của tác giả dân gian về thói tham nhũng, xử kiện dựa trên đồng tiền của một bộ phận quan lại thối nát vô lương tâm trong xã hội cũ. Tác giả để cho nhân vật tự giới thiệu, bộc lộ bản chất của mình thông qua lời thoại, cử chỉ và ngôn ngữ, không cần dùng đến một từ ngữ phê phán hay bình luận nào. Đây là một cách thể hiện rất khéo léo. Thông qua câu chuyện ở huyện đường, tác giả vừa châm biếm vừa phê phán tầng lớp quan lại, nhưng đồng thời cũng phơi bày trước mắt bạn đọc một xã hội lừa lọc, thủ đoạn và thiếu tình người. Tiếng cười được gửi gắm trong tác phẩm vừa sâu cay vừa mang ý nghĩa phê phán sâu sắc.

**DẠNG 2: KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT**

**Đề bài:** Viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) phân tích tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích “Mắc mưu Thị Hến” (Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*).

**Gợi ý dàn ý**

### **\* Rubrics đánh giá đoạn văn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) |  |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn |  |
| **Nội dung** | - Xác định đúng yêu cầu của đề bài: Nêu suy nghĩ về tiếng cười châm biếm của tác giả dân gian thể hiện qua đoạn trích. |  |
| * Làm sáng tỏ vấn đề nghị luận bằng lí lẽ và dẫn chứng:   + Tiếng cười của tác giả dân gian trong trích đoạn “Mắc mưu Thị Hến” châm biếm đối tượng nào?  + Tác giả dân gian sử dụng nghệ thuật gì để tạo nên tiếng cười châm biếm?  + Ý nghĩa của tiếng cười châm biếm trong xã hội xưa và nay? |  |
| Rút ra nhận thức của người viết |  |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**Đoạn văn tham khảo:**

Trích đoạn tuồng Mắc mưu Thị Hến đã thể hiện cái nhìn châm biếm của tác giả dân gian về những thói hư tật xấu, những dục vọng tầm thường của tầng lớp cường hào ác bá phong kiến. Tác giả để cho các nhân vật tự giới thiệu, bộc lộ bản chất của mình thông qua lời thoại, cử chỉ và ngôn ngữ, không cần dùng đến một từ ngữ phê phán hay bình luận nào. Đây là một cách thể hiện rất khéo léo. Thông qua câu chuyện, tác giả dân gian đã bóc trần bộ mặt giả dối của những kẻ có chức có quyền trong xã hội cũ với sự mẫu thuẫn giữa vẻ bề ngoài với bản chất bên trong. Bọn chúng khéo che giấu cái bản chất háo sắc, thói trăng hoa bên trong cái vỏ bọc đạo mạo. Tiếng cười được gửi gắm trong tác phẩm vừa sâu cay vừa mang ý nghĩa phê phán sâu sắc. Tiếng cười trong đoạn trích Mắc mưu Thị Hến vẫn còn nguyên ý nghĩa trong cuộc sống hôm nay.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 3: THỊ MẦU LÊN CHÙA (Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*)**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Vở chèo *Quan Âm Thị Kính***

***\*Vị trí:*** *Là* một trong những vở chèo cổ đầu tiên của nghệ thuật sân khấu chèo Việt Nam.

**\*Tóm tắt:**

**\*Giá trị nội dung:**

- Vở chèo đã thể hiện được những phẩm chất tốt đẹp cùng nỗi oan bi thảm, bế tắc của người phụ nữ và những đối lập giai cấp thông qua xung đột gia đình, hôn nhân trong xã hội phong kiến.

- Vở chèo còn vạch trần mặt tối của xã hội phong kiến, một xã hội nam quyền mà ở đó người phụ nữ đáng thương hay những người thuộc tầng lớp thấp của xã hội không hề được tôn trọng và có tiếng nói cho riêng mình

**2. Văn bản “Thị Mầu lên chùa”**

**a. Bối cảnh đoạn trích:** Sau khi bị đổ oan hại chồng, Thị Kính bị đuổi về nhà bố đẻ. Thị Kính giả trai, đến tu ở một ngôi chùa. Thị Mầu, con gái phú ông lên chùa dâng lễ, nhìn thấy Kính Tâm đã siêu lòng, buông lời ve vãn Tiểu Kính.

**b. Nhân vật và sự kiện:**

**- Nhân vật:** Thị Mầu – Kính Tâm

**- Sự việc chính:** Thị Mầu lên chùa ve vãn tiểu Kính Tâm.

**c. Đặc sắc nội dung và nghệ thuật**

**\*Đặc sắc nghệ thuật :**

- Ngôn ngữ nhân vật chèo sinh động, giàu hình ảnh.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động.

- Sử dụng các chỉ dẫn sân khấu giúp người đọc hình dung ra các hành động cụ thể của nhân vật trên sân khấu.

**\*Nội dung, ý nghĩa:**

- Xây dựng thành công hình tượng nhân vật Thị Mầu và Tiểu Kính trong hoàn cảnh gặp gỡ đặc biệt.

- Bộc lộ niềm đồng cảm với khát vọng tình yêu tự do vượt lên trên lễ giáo phong kiến của người phụ nữ.

- Đề cao, ca ngợi những người phụ nữ có nhân cách, phẩm chất hoàn thiện, đại diện là Thị Kính.

**d. Liên hệ:** Một số tác phẩm văn học lấy cảm hứng từ hình tượng Thị Mầu trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*:

- Thị Mầu, Lẳng lơ Thị Mầu, Cãi,... (Trong tập Cưới thơ - Hoàn Nguyễn)

- Thị Màu (Anh Ngọc)

- Này em Thị Mầu (Ngân Vịnh)

**\*Bài thơ Thị Màu (Anh Ngọc):**

Người mấy trăm năm làm rung chuyển những sân đình  
Làm điên đảo những phông màn khép mở  
Người táo bạo  
Người không hề biết sợ  
Người chưa từng lùi bước trước tình yêu  
  
Người phá tung khuôn khổ những điệu chèo  
Để cuộc sống ùa lên đầu cửa miệng  
Người trung thực đến không cần giấu giếm  
Cặp môi hồng con mắt ướt đong đưa  
  
Người cả gan sàm sỡ cả cửa chùa  
Chọn sắc áo cà sa mà chọc ghẹo  
Thừa sinh lực nên người luôn túng thiếu  
Nên hương trầm tiếng mõ khéo trêu ngươi  
  
Người đi qua nghiêng ngả những trận cười  
Chấp tất cả lời ong ve mai mỉa  
Người chịu hết mọi thói đời độc địa  
Chiếc quạt màu khép mở vẫn ung dung  
  
Trên môi người câu hát cứ trẻ trung  
Từng sợi tóc cũng rung theo nhịp phách  
Mùi táo chín, mùi hương, mùi da thịt  
Người đi qua sân khấu tới đời thường  
  
Người sống trong hơi thở của nhân dân  
Mấy trăm năm ai để thương để giận  
Câu sa lệch cũng hò reo nổi loạn  
Nhịp trống gầm lên những khát vọng không lời  
  
Những khát vọng nằm sâu trong mỗi trái tim người  
Được sống đúng với lòng mình thực chất  
Những xiềng xích phết màu sơn đạo đức  
Mấy trăm năm không khóa nổi Thị Màu  
  
Những cánh màn đã khép lại đằng sau  
Táo vẫn rụng sân đình không ai nhặt  
Bao Thị Màu đã trở về đời thực  
Vị táo còn chua mãi ở đầu môi .

(Nguồn: https://vnexpress.net/thi-mau-tho-anh-ngoc-2754642.html)

**\*Bài thơ Này em Thị Mầu (Ngân Vịnh):**

Này em, em Thị Mầu ơi  
Biết không cái lẳng lơ giời cho em  
Trong thiên hạ khối người thèm  
Khối người cũng muốn theo em lên chùa  
  
Này em mắt cứ đong đưa  
Cứ môi trầu thắm bỏ bùa cho sư  
Mấy khi đời được tương tư  
Vầng trăng lẻ, giữ khư khư làm gì  
  
Táo thì đỏ rụng lối đi  
Tuổi thì hơn hớn, lòng thì ngả nghiêng  
Có là chi cái chính chuyên  
Mà đem thân phận buộc duyên nợ vào  
  
Bước em đi đến nơi nào  
Cũng nghe đôi dải yếm đào xổ tung  
Có gì đâu phải ngượng ngùng  
Tình yêu ngọn lửa cháy bùng bấy nay  
  
Thi Mầu em vắng một ngày  
Đàn ông trên thế gian này ra sao...?  
 (Nguồn: Báo Thanh Niên, 04/1997)

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01:**  **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

[…]

THỊ MẦU: Người đâu mà đẹp như sao băng ấy nhỉ?

(Đế): Ai lại đi khen chú tiểu thế cô Mầu ơi!

THỊ MẦU: Đẹp thì người ta khen chứ sao!

Này chị em ơi,

Người đâu đến ở chùa này

Cổ cao ba ngấn, lông mày nét ngang

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

TIỂU KÍNH (tụng kinh): Niệm Nam mô A Di Đà Phật!

THỊ MẦU: Ấy mấy thầy tiểu ơi!

(Đế): Mầu ơi mất bò rồi!

THỊ MẦU: Nhà tao còn ối trâu! Này thầy tiểu ơi!

Thầy như táo rụng sân đình

Em như gái rở(1), đi rình của chua

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

TIỂU KÍNH: Niệm Nam mô A Di Đà Phật!

(Đế): Mầu ơi, nhà mày có mấy chị em?

Có ai như mày không?

THỊ MẦU: Nhà tao có chín chị em, chỉ có mình tao là chín chắn nhất đấy.

(Đế): Dơ lắm! Mầu ơi!

THỊ MẦU: Kệ tao. Này thầy tiểu ơi, ăn với em một miếng giầu đã nào, rồi để mõ đấy, em đánh cho.

TIỂU KÍNH: Niệm Nam mô A Di Đà Phật!

THỊ MẦU: Ấy mấy thầy tiểu ơi!

(*hát ghẹo tiểu*): Song đứng trước cửa chùa

Tôi vào tôi gọi, thầy tiểu chẳng thưa tôi buồn

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

Một cành tre, năm bảy cành tre

Phải duyên thời lấy, chớ nghe họ hàng

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

Mẫu đơn giồng cảnh nhà thờ

Đôi ta chỉ quyết đợi chờ lấy nhau.

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

Muốn cho có thiếp, có chàng

Ba sáu mười tám, cơm hàng có canh.

Ấy mấy thầy tiểu ơi!

Trúc xinh trúc mọc sân đình

Em xinh em đứng một mình chẳng xinh!

Bỏ mõ em đánh cho nào. Người đâu mà thấy gái mà lại chạy thế!

Chẳng trăm năm cũng một ngày

Gương kia còn đó, tấm áo này còn hơi.

Chị em ơi, tôi ngồi lấy hơi thầy tiểu xem, chị em nhá!

(*Tiểu Kính bỏ chạy*)

À, kinh mõ của chú tiểu còn bỏ đó, thế nào cũng phải ra đây.

Tôi tìm chỗ tôi nấp, thế nào tôi cũng nắm tận tay chú tiểu thì tôi mới nghe!

(Trích *Thị Mầu lên chùa*, chèo *Quan Âm Thị Kính*, theo *Tổng hợp văn học dân gian người Việt*, tập 17, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003)

**Chú giải:**

1. *Gái rở*: phụ nữ mang thai bị ốm nghén, thèm của chua.

**Câu 1.** Xác định thể loại của đoạn trích.

**Câu 2**. Tìm những từ ngữ miêu tả nhân vật Tiểu Kính trong lời thoại của Thị Mầu. Việc sử dụng những từ ngữ này cho thấy điều gì trong tính cách của Thị Mầu?

**Câu 3**. Tiếng gọi “thầy tiểu ơi!” lặp lại nhiều lần có tác dụng gì trong việc bộc lộ nỗi lòng của Thị Mầu?

**Câu 4.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu nói sau của Thị Mầu:

*“Thầy như táo rụng sân đình*

*Em như gái rở, đi rình của chua”*

**Câu 5.** Lời thoại của Thị Mầu trong đoạn hát ghẹo tiểu cho thấy quan niệm và khát vọng gì về tình yêu của Thị Mầu?

**Câu 6**. Qua đoạn trích, em có nhận xét gì về nhân vật Thị Mầu? Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn (khoảng 3 - 5 câu).

***Gợi ý***

**Câu 1:** Thể loại: văn bản chèo

**Câu 2:**

- Những từ ngữ miêu tả Tiểu Kính trong lời thoại của Thị Mầu:

+ *Đẹp như sao băng.*

*+ Cổ cao ba ngấn, lông mày nét ngang.*

* Từ việc sử dụng những từ ngữ này cho thấy Thị Mầu là người hám sắc, lẳng lơ, dùng lời lẽ không thích hợp nơi cửa chùa.

**Câu 3:** Lặp lại nhiều lần tiếng gọi “*thầy tiểu ơi!*” nhằm bộc lộ nỗi lòng say mê, khao khát được yêu, được đáp lại tình yêu của Thị Mầu.

**Câu 4:**

- Phép so sánh: Thị Mầu ví mình như gái rở, ví Tiểu Kính như táo rụng sân đình.

- Tác dụng của các phép tu từ:

**+** Nhấn mạnh khát khao yêu đương mãnh liệt của Thị Mầu.

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, chân thực, giàu hình ảnh, giúp người đọc dễ hình dung tình cảm của Thị Mầu..

**Câu 5:**

- Lời hát ghẹo chú tiểu cho thấy quan niệm tình yêu tự do của Thị Mầu: *Phải duyên thời lấy, chớ nghe họ hàng*.

- Đồng thời, lời hát ghẹo còn chứa đựng khát khao chung tình – khao khát chính đáng trong tình yêu: *Mẫu đơn giồng cảnh nhà thờ/ Đôi ta chỉ quyết đợi chờ lấy nhau.*

- Thể hiện khát khao nên đôi:

+ *Muốn cho có thiếp, có chàng, / Ba sáu mười tám, cơm hàng có canh.*

+ Lời hát của Thị Mầu còn vận dụng ca dao nhưng đã được biến tấu đi “*Trúc xinh… chẳng xinh*” nhằm ghẹo chú tiểu, ẩn ý người phụ nữ xinh đẹp cần phải có đôi có cặp mới xinh, còn đứng một mình sẽ không xinh.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Nhận xét về nhân vật Thị Mầu qua đoạn trích. Có thể:

+ Thị Mầu là người lẳng lơ, dám cả gan ghẹo cả chú tiểu ngay chốn cửa chùa.

+ Thị Mầu là người dám dũng cảm bộc lộ tình yêu của mình, khao khát tình yêu tự do. Thị Mầu đã dám đi ngược lại quan điểm lễ giáo phong kiến, đã chủ động “cọc đi tìm trâu”, dám dũng cảm tỏ bày tình cảm của mình, khao khát được mong đáp lại.

…

**Đề số 02:**  **Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**[…]**

THỊ MẦU: (*xông ra, nắm tay Tiểu Kính*)

Đây rồi nhá!

TIỂU KÍNH: Mô Phật!

THỊ MẦU: Bỏ mô Phật đi!

TIỂU KÍNH: Cô buông ra để tôi quét chùa, kẻo sư cụ người quở chết!

THỊ MẦU: Đưa chổi đây em quét rồi em nói chuyện này cho mà nghe!

TIỂU KÍNH: Mô Phật!

THỊ MẦU: Này chú tiểu ơi!

Mong cho chú tiểu quét sân

Xịch lại cho gần, cầm chổi quét thay

Lá tình không gió mà bay!

Nào, ăn với em một miếng trầu đã nào!

(*Tiểu Kính bỏ chạy*)

Phải gió ở đâu! Chạy từ bao giờ rồi!

Mô với chả Phật!

Ới, này thầy tiểu ơi!

Muốn rằng cây cải cho xanh

Thài lài, rau dệu, tám thành bờ tre

Lắng nghe tôi nói cho mà nghe:

Tri âm chẳng tỏ tri âm

Để tôi thương vụng nhớ thầm sầu riêng!

(*Đế):* Sao lẳng lơ thế, cô Mầu ơi!

THỊ MẦU (*hát*):

Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn

Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ!

(Hạ)

(Trích *Thị Mầu lên chùa*, chèo *Quan Âm Thị Kính*, theo *Tổng hợp văn học dân gian người Việt*, tập 17, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003)

**Câu 1.** Xác định không gian diễn ra sự việc trong đoạn trích.

**Câu 2**. Chỉ ra ngôn ngữ và hành động của nhân vật Tiểu Kính. Qua đó, em nhận xét gì về nhân vật này?

**Câu 3**. Lời thoại sau bộc lộ tình cảm gì của Thị Mầu?

“*Ới, này thầy tiểu ơi!*

*Muốn rằng cây cải cho xanh*

*Thài lài, rau dệu, tám thành bờ tre*

*Lắng nghe tôi nói cho mà nghe:*

*Tri âm chẳng tỏ tri âm*

*Để tôi thương vụng nhớ thầm sầu riêng!”*

**Câu 4.** Trong đoạn trích trên, tiếng đế thể hiện quan niệm như thế nào về nhân vật Thị Mầu? Em có đồng tình với quan điểm đó hay không? Vì sao?

**Câu 5.** Lời hát cuối của Thị Mầu cho thấy nhân vật quan niệm như thế nào về tình yêu và hạnh phúc?

“*Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn*

*Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ*!”

**Câu 6**. Trong hai nhân vật Tiểu Kính và Thị Mầu, em ấn tượng với nhân vật nào hơn? Vì sao? Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn (khoảng 3 - 5 câu).

***Gợi ý***

**Câu 1:** Không gian: chốn sân chùa – không gian linh thiêng, tôn nghiêm.

**Câu 2:**

- Ngôn ngữ: liên tục niệm Phật: “Mô Phật”

- Hành động: giữ khoảng cách, tìm cách từ chối tình cảm của Thị Mầu, bỏ chạy vào trong để trốn.

=> Nhận xét: Nhân vật Tiểu Kính được xây dựng là người đoan trang, đúng mực; ngôn ngữ và hành xử giữ đúng phép tắc của nhà chùa. Tuy nhiên, Tiểu Kính có phần cam chịu và bị động.

**Câu 3:** Lời thoại của Thị Mầu sử dụng lối nói ẩn ý đậm chất dân gian nhằm giãi bày tình cảm tha thiết trong lòng mình với chú tiểu.

**Câu 4:**

* Tiếng đế***:*** *Sao lẳng lơ thế, cô Mầu ơi!*
* Tiếng đế đứng trên quan niệm lễ giáo phong kiến, coi Thị Mầu là kẻ lẳng lơ (dám cả gan ghẹo cả chú tiểu chốn cửa chùa)
* HS bày tỏ sự đồng tình/ phản đối quan điểm đánh giá và đưa ra lí do.

**Câu 5:** Lời hát cuối của Thị Mầu:

“*Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn*

*Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ*!”

**=>** Bộc lộ quan niệm về tình yêu và hạnh phúc tự do.Quan niệm tình yêu và hạnh phúc của Thị Mầu đi ngược lại những luật lệ đạo đức phong kiến Nho giáo, sống theo đúng lòng mình, mong được thoả mãn khát vọng yêu đương tự do.

**Câu 6:** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:

**- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**- Nội dung:** Nêu nhân vật mà bản thân thấy ấn tượng hơn (Tiểu Kính hoặc Thị Mầu). Đưa ra lí do.

**DẠNG 2: KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT**

**Đề bài:** Cảm nghĩ về nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích “*Thị Mầu lên chùa*” (Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*).

**\* Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết bài văn nêu cảm nghĩ về nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích “*Thị Mầu lên chùa*” (Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*).** | **Đạt/chưa đạt** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. |  |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Cảm nghĩ về nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích “*Thị Mầu lên chùa*” (Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*). |  |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \* Giới thiệu tác phẩm chèo, đoạn trích *“Thị Mầu lên chùa”*, vấn đề nghị luận. |  |
| **\* Nêu cảm nhận về nhân vật Thị Mầu trong đoạn trích:**  **a) Lời xưng danh**  - Tên: Thị Mầu  - Xuất thân: con gái phú ông  - Mọi người lên chùa mười tư, rằm; còn Thị Mầu lên chùa từ mười ba.  **b) Ngôn ngữ và hành động của Thị Mầu để tỏ bày tình cảm với chú tiểu**  - Ngôn ngữ: lời đối thoai, độc thoại, bàng thoại  - Hành động:  + Khen chú tiểu đẹp như sao bằng, dùng lời lẽ ngọt ngào để tán tỉnh, ve vãn chú tiểu khiến Tiểu Kính bỏ chạy vào trong.  + Táo bạo hơn, Thị Mầu còn đợi cơ hội Tiểu Kính ra cất mõ đã xông tới nắm tay Tiểu Kính, đòi quét chùa thay Tiểu Kính, lại còn mời mọc chú tiểu ăn giầu cùng.  **c) Tiếng đế và lời đáp của Thị Mầu**  **🡺Nhận xét chung:**  **-** Nhân vật Thị Mầu tuy được xây dựng là vai *nữ lệch*, nhân vật phản diện vốn tính lẳng lơ (lên chùa đi lễ thấy chú tiểu đẹp thì mê, mà mê thì ghẹo, mà ghẹo thì ghẹo tới nơi tới chốn). Nhưng tác giả dân gian vẫn dành cho nhân vật niềm cảm thương, đồng cảm với khát vọng yêu đương tự do - quyền chính đáng của con người, trong đó có người phụ nữ.  - Trong đoạn trích “Thị Mầu lên chùa”, Thị Mầu đã dám đi ngược lại quan điểm lễ giáo phong kiến, đã chủ động “cọc đi tìm trâu”, dám dũng cảm tỏ bày tình cảm của mình, khao khát được mong đáp lại. Đã không có “xiềng xích” nào “khóa nổi” trái tim nổi loạn của Thị Mầu. Chính sự nổi loạn bất chấp “xiềng xích được sơn phết màu đạo đức” đã góp phần làm cho Thị mầu sống mãi tới ngày nay. |  |
| ***\****Nhận xétvềđặc sắc nghệ thuật xây dựng nhân vật Thị Mầu:  + Ngôn ngữ nhân vật chèo sinh động, giàu hình ảnh.  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động.  + Sử dụng các chỉ dẫn sân khấu giúp người đọc hình dung ra các hành động cụ thể của nhân vật trên sân khấu. |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: SỬA LỖI DÙNG TỪ (Tiếp theo)**

**(**

**lÀM**

**I.** **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT: Nhắc lại kiến thức về sửa lỗi dùng từ tiếng Việt (tiếp theo)**

**1. Các lỗi dùng từ (tiếp theo)**

Ngoài lỗi về ngữ âm, chính tả, ngữ nghĩa, người viết (nói) cần phải chú ý những lỗi sau khi dùng từ:

* Dùng từ sai quy tắc ngữ pháp: sắp xếp trật từ từ không đúng; dùng thiếu hư từ hoặc dùng hư từ không đúng.
* Dùng từ không hợp phong cách ngôn ngữ: chọn từ không phù hợp với văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp hoặc thể loại văn bản.
* Dùng lặp từ, lặp nghĩa:

+ Lặp từ là dùng nhiều lần một từ trong một câu hoặc trong những câu liền kề khiến cho câu văn, đoạn văn trở nên nặng nề.

+ Lặp nghĩa là lặp lại một thuộc tính đã có sẵn trong từ ngữ đứng trước đó.

**2. Cách sửa lỗi**

**2.1. Nguyên tắc sửa lỗi**

Câu sai có nhiều kiểu khác nhau, vì thế chữa câu sai cũng phải tùy thuộc vào kiểu sai cụ thể để định ra cách sửa phù hợp. Việc sửa câu sai về ngữ pháp nhìn chung phải tuân theo một số nguyên tắc sau đây:

- Cần nắm vững tiêu chí của một câu đúng. Đúng ở đây không phải chỉ là đúng ngữ pháp, mà còn phải đảm bảo đúng ngữ nghĩa-logic, đúng phong cách và đúng trong mối quan hệ liên kết các câu trong toàn văn bản.

- Cần đảm bảo được nội dung theo ý người viết. Có thể thêm, bớt từ nếu thấy cần thiết trong trường hợp không làm thay đổi nội dung chính mà người viết muốn truyền đạt.

- Cần phải xác lập mối quan hệ giữa các thành phần câu để xem câu sai ở phần nào, ý nào. Khi xác định được nguyên nhân làm cho câu sai ta rút gọn câu để chỉnh sửa ở phần đó, ý đó.  
- Sau khi chữa, cần kiểm tra lại không chỉ cấu trúc nội tại của câu chữa mà còn phải xem câu chữa đó có phù hợp với câu khác của toàn văn bản hay không. Nếu chưa đạt yêu cầu thì tìm cách chữa khác cho phù hợp.

**2.2. Cách sửa**

**a. Lỗi dùng từ sai về quy tắc ngữ pháp**

***- Thay thế, thêm, bớt các đơn vị từ, ngữ, vế câu, dấu câu*** (có thể thêm vào câu thành phần chủ ngữ phù hợp với vị ngữ và ngược lại; lược bớt các từ nối, từ kèm ở bộ phận mở rộng để làm cho câu có chủ ngữ và vị ngữ).  
Ví dụ:  
*Trong hoàn cảnh khó khăn đã giúp anh rèn luyện chịu đựng gian khổ*. (Bỏ “*trong*” để câu có chủ ngữ và vị ngữ hoặc sửa thành: *Trong hoàn cảnh khó khăn, anh đã rèn luyện được đức tính chịu đựng gian khổ*).  
***- Thay đổi vị trí của các thành phần câu hoặc trật tự các từ ngữ hạn định***.  
Ví dụ:  
*Được các bạn học sinh trồng những cây xanh bên lề đường để che bóng mát cho trường.* (Những cây xanh được các bạn học sinh trồng bên lề đường, tỏa bóng rợp làm cho trường mát mẻ hẳn lên).  
***- Thay đổi cấu trúc câu, thay đổi lối nói*** (biến câu chủ động thành câu bị động hoặc ngược lại, tách, đảo, nhập các bộ phận, thành phần trong câu…).  
Ví dụ:  
*Bằng hai câu thơ của Nguyễn Du đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân*.  
*Có thể sửa*:  
*- Bằng hai câu thơ, Nguyễn Du đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân.*  
*- Hai câu thơ của Nguyễn Du đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân.*  
*- Nguyễn Du, bằng hai câu thơ, đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân.*  
*- Cảnh đẹp của mùa xuân đã được Nguyễn Du vẽ lên bằng hai câu thơ.*

**b. Lỗi lặp từ, lặp nghĩa:**

- Xem xét trong câu, từ ngữ nào bị dư thừa thì lược bỏ.

- Trong trường hợp câu có nhiều ngữ đoạn trùng lặp, rối rắm về ý nghĩa, chúng ta có thể thay đổi cách diễn đạt ở những chỗ cần thiết.

- HS cần phân biệt đâu là cách lặp từ có chủ ý (phép điệp từ nhằm nhấn mạnh ý, tạo nhịp điệu cho câu văn) với cách dùng vô thức (lỗi lặp từ làm cho câu văn dài dòng, nặng nề, nhàm chán).

**c. Lỗi dùng từ không hợp với phong cách ngôn ngữ:**

Người nói, người viết cần nắm rõ đặc trưng về ngôn ngữ của các phong cách ngôn ngữ khác nhau để nói (viết) phù hợp với văn cảnh, hoàn cảnh giao tiếp, thể loại văn bản.

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Dạng 1: Trắc nghiệm: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

[**Câu 1.**](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-nao-thich-hop-dien-vao-cho-trong-to-ra-kieu-ngao-va-lanh-nhat-63077)Dòng nào nêu đúng yêu cầu sử dụng tiếng Việt về ngữ pháp?

A. Dùng từ ngữ đúng với hình thức và cấu tạo.

B. Viết câu đúng quy tắc ngữ pháp, dùng đúng dấu câu.

C. Sử dụng đúng các biện pháp tu từ.

D. Viết tiếng Việt đúng theo quy tắc chính tả hiện hành.

**Đáp án B**

[**Câu 2.**](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tu-nao-thich-hop-dien-vao-cho-trong-nhanh-gap-va-co-phan-cang-63078)Trường hợp nào sau đây mắc lỗi về ngữ pháp?

A. Nhờ tác phẩm này mà ông ta rất nổi tiếng từ thời trước Cách mạng.

B. Nhờ tác phẩm rất nổi tiếng này mà ông sống mãi trong lòng bạn đọc.

C. Nhờ tác phẩm rất nổi tiếng của ông từ thời trước Cách mạng tháng Tám.

D. Nhờ Cách mạng tháng Tám mà ông có được tác phẩm nổi tiếng này.

**Đáp án C**

**Câu 3**. [Chữa lỗi dùng từ trong câu sau: “Bạn An là một học sinh ngoan ngoãn, chăm chỉ nên cả lớp ai cũng quý bạn An”](https://vietjack.online/cau-hoi/53123/chua-loi-dung-tu-trong-cau-sau-ban-an-la-mot-hoc-sinh-ngoan-ngoan)

A. Bạn An là một học sinh ngoan ngoãn, chăm chỉ nên cả lớp ai cũng quý.

B. Bạn An là một học sinh ngoan ngoãn, chăm chỉ nên cả lớp ai cũng quý bạn.

C. Bạn An là một học sinh ngoan ngoãn, chăm chỉ nên cả lớp ai cũng quý An.

D. Không sửa câu trên được

**Đáp án A**

**[Câu 4](https://vietjack.online/cau-hoi/53126/cau-me-rat-quan-tam-voi-viec-hoc-tap-sinh-hoat-cua-em-tu-nao-su-dung-sai)**[. Câu “Mẹ rất quan tâm với việc học tập, sinh hoạt của em”, từ nào sử dụng sai?](https://vietjack.online/cau-hoi/53126/cau-me-rat-quan-tam-voi-viec-hoc-tap-sinh-hoat-cua-em-tu-nao-su-dung-sai)

A. Rất

B. Quan tâm

C. Với

D. Việc

**Đáp án C**

**Câu 5**. Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

"Bẩm cụ từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù, bẩm có thế, con có nói gian thì trời tru đất diệt, bẩm quả đi ở tù sướng quá! Ði ở tù còn cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước, một thước cắm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bẩm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù."

( Nam Cao, *Chí Phèo*)

Đoạn trích trên có sử dụng từ ngữ thuộc ngôn ngữ nói trong phong cách ngôn ngữ sinh hoạt không?

###### A. Có

###### B. Không

**Đáp án A**

**Dạng 2: Tự luận**

**Bài tập 1:**  **Phát hiện lỗi và sửa lỗi dùng từ sai quy tắc ngữ pháp trong các câu sau:**

*1. Nhà này tuy bé và xinh xắn.*

*2. Tuy chi Út Tịch thương yêu chồng con, đồng bào, đồng chí sâu sắc nhưng chị rất căm thù bọn giặc.*  
3. *Qua kinh nghiệm cho ta thấy điều đó đúng*.

*4. Thầy Nam, thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu.*

*5. Để phát huy tinh thần sáng tạo và năng động của học sinh.*

*6. Thầy hiệu trưởng kêu gọi chúng em hăng hái tham gia đợt trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại” thành công tốt đẹp.*

*7. Được các bạn học sinh trồng những cây xanh bên lề đường để che bóng mát cho trường.*

*8.**Bằng hai câu thơ của Nguyễn Du đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân*.  
*9. Mới vào bộ đội, chúng ta thường được nghe cán bộ phổ biến: chiến sĩ trai phải cắt tóc ngắn, chiến sĩ gái thì cuộn, tết tóc lên cao, râu phải cạo nhẵn.*  
10. *Sau khi bị bọn thực dân đế quốc xâm lược nên nhân dân ta phải chịu nhiều mất mát.*  
*11. Được tham quan danh lam thắng cảnh làm ta thêm yêu đất nước.*  
*12. Chàng dũng sĩ lao về phía con quái vật, mồm ngoác to bằng cái miệng thúng.*

*13. Trong hoàn cảnh khó khăn đã giúp anh rèn luyện chịu đựng gian khổ*.

***Gợi ý***

1. Dùng sai quan hệ từ*: Nhà này tuy bé nhưng xinh xắn.*

2. Dùng sai cặp quan hệ từ:

*Vì chị Út Tịch thương yêu chồng con, đồng bào, đồng chí sâu sắc nên chị rất căm thù bọn giặc.*

*3.* Không phân định rõ thành phần phụ ở câu đầu với chủ ngữ.*:*

*Kinh nghiệm cho ta thấy điều đó đúng*. Hoặc: *Qua kinh nghiệm, ta thấy điều đó đúng).*

4. Câu thiếu VN:

*Thầy Nam là thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu.*

Hoặc: *Thầy Nam, thầy hiệu trưởng gương mẫu, tận tụy hết lòng vì học sinh thân yêu, đang trò chuyện với học sinh cuối cấp*.

5. Câu thiếu cụm C –V:

*Để phát huy tinh thần sáng tạo và năng động của học sinh, trường đã tổ chức nhiều sân chơi học tập vào cuối tuần.*

6. Sắp xếp trật tự từ không đúng:

*Thầy hiệu trưởng kêu gọi chúng em hăng hái tham gia đợt trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại”./ Thầy hiệu trưởng kêu gọi chúng em hăng hái tham gia đợt trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ vĩ đại” để phong trào này được thành công tốt đẹp.*

7. Câu thiếu cụm C –V:

*Những cây xanh được các bạn học sinh trồng bên lề đường, tỏa bóng rợp làm cho trường mát mẻ hẳn lên.*

8. Không phân định rõ thành phần phụ ở câu đầu với chủ ngữ.

Có thể sửa:  
  
*- Bằng hai câu thơ, Nguyễn Du đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân.*  
  
*- Hai câu thơ của Nguyễn Du đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân.*  
  
*- Nguyễn Du, bằng hai câu thơ, đã vẽ lên cảnh đẹp của mùa xuân.*  
  
*- Cảnh đẹp của mùa xuân đã được Nguyễn Du vẽ lên bằng hai câu thơ.*

*9.* Sắp xếp trật tự từ không đúng:

*Mới vào bộ đội, chúng ta thường được nghe cán bộ phổ biến: chiến sĩ trai phải cắt tóc ngắn, râu phải cạo nhẵn; chiến sĩ gái thì tết hoặc cuộn tóc lên cao,*

10. Dùng sai hư từ.

- *Sau khi bị bọn thực dân đế quốc xâm lược, nhân dân ta phải chịu nhiều mất mát.*

*-* Do *bị bọn thực dân đế quốc xâm lược nên nhân dân ta phải chịu nhiều mất mát.*

*11.* Không phân định rõ thành phần phụ ở câu đầu với chủ ngữ.

*- Được tham quan danh lam thắng cảnh, ta thêm yêu đất nước.*

*- Việc tham quan danh lam thắng cảnh giúp ta thêm yêu đất nước.*

*- Ta thêm yêu đất nước khi tham quan danh lam thắng cảnh.*  
*12*. Thiếu hư từ

*- Chàng dũng sĩ lao về phía con quái vật khi mồm nó đang ngoác to bằng cái miệng thúng.*

*13.* Không phân định rõ thành phần phụ ở câu đầu với chủ ngữ.

- *Hoàn cảnh khó khăn đã giúp anh rèn luyện chịu đựng gian khổ*.

 - *Trong hoàn cảnh khó khăn, anh đã rèn luyện được đức tính chịu đựng gian khổ*.

**Bài tập 2:** Lựa chọn những câu văn đúng trong các câu văn sau:

(1) Có được ngôi nhà đã làm cho bà sống hạnh phúc hơn.

(2) Ngôi nhà đã làm cho bà sống hạnh phúc hơn.

(3) Có được ngôi nhà, bà đã sống hạnh phúc hơn.

(4) Ngôi nhà đã mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống của bà.

***Gợi ý***

* Câu (1) sai vì không phân định rõ thành phần phụ ở câu đầu với chủ ngữ.
* Các câu 2, 3, 4 đều đúng.

**Bài tập 3: Phân tích các lỗi lặp từ, lặp nghĩa, lỗi dùng từ không hợp với PCNN trong các câu và sửa lại cho đúng:**

1. Thần thoại có nhiều chi tiết tưởng tượng, kì ảo nên em rất thích đọc thần thoại.

2. Quá trình vượt qua khó khăn, thử thách cũng là quá trình con người trưởng thành, lớn lên. (Bài làm của học sinh)

3. Mẹ đã chăm sóc cho em và lo lắng trong những ngày em bị bệnh hoặc bị ốm. (Bài làm của học sinh)

4. Vịnh Hạ Long, động Phong Nha, Tam Cốc- Bích Động,… đều là những thắng cảnh đẹp của Việt Nam.

5. Phong trào giải phóng mặt bằng để thi công đoạn đường này còn nhiều vấn đề tồn tại giữa chính quyền và người dân.

6. Hoàng hôn, ngày 25 - 10 lúc I7h30, tại km quốc lộ 1A đã xảy ra một vụ tai nạn giao thông. (trích biên bản một vụ tai nạn giao thông).

7. Truyện Kiều của Nguyễn Du đã nêu cao một tư tưởng nhân đạo hết sức là cao đẹp.

8. Trả lời phóng viên, ông giám đốc công ty thương mại bia Hà Nội cho biết nhiều người pha phách các loại bia hơi khác vào bia hơi Hà Nội để bán kiếm lời là điều rất khó kiểm soát.

9. Vợ chồng Nghị Quế tàn ác hết chỗ nói. (Bài làm học sinh)

10. Đọc tác phẩm, em thấy thương và cảm phục anh thanh niên quá chừng!

*Gợi ý*

1. Lỗi: lặp từ nguyên vẹn “thần thoại”

Sửa: Thần thoại thường có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo nên em rất thích đọc .

hay Em rất thích đọc thần thoại vì loại  truyện này có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo.

2. Lỗi: lặp từ đồng nghĩa: *trưởng thành* - *lớn lên*.

Sửa*: Quá trình vượt qua khó khăn, thử thách cũng là quá trình con người trưởng thành.*

3. Lỗi:lặp từ đồng nghĩa: *bị bệnh – bị ốm*

Sửa: *Mẹ đã chăm sóc cho em và lo lắng trong những ngày em bị bệnh*.

4. Lỗi: Từ “hoàng hôn” dùng trong biên bản một vụ tai nạn giao thông (thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính) không phù hợp, từ này thường dùng cho văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Sửa: *Buổi chiều, ngày 25 - 10 lúc I7h30, tại km quốc lộ 1A đã xảy ra một vụ tai nạn giao thông.*

5. Lặp nghĩa: cụm từ “thắng cảnh đẹp”

Sửa: *Vịnh Hạ Long, động Phong Nha, Tam Cốc- Bích Động,… đều là những thắng cảnh của Việt Nam.*

6. Lặp nghĩa: cụm từ “còn nhiều vấn đề tồn tại”

Sửa: *Phong trào giải phóng mặt bằng để thi công đoạn đường này còn nhiều tồn tại giữa chính quyền và người dân.*

7. Lỗi: Cụm từ “hết sức là” thường dùng trong ngôn ngữ sinh hoạt. Đây là văn bản nghị luận nên dùng cụm từ này không phù hợp.

Sửa: Truyện Kiều*của Nguyễn Du đã nêu cao một tư tưởng nhân đạo rất/ vô cùng cao đẹp*.

8. Lỗi: Từ “pha phách” thường dùng trong ngôn ngữ sinh hoạt, không phù hợp với văn bản báo chí. Sửa: *Trả lời phóng viên, ông giám đốc công ty thương mại bia Hà Nội cho biết nhiều người pha trộn các loại bia hơi khác vào bia hơi Hà Nội để bán kiếm lời là điều rất khó kiểm soát.*

9. Lỗi: Cụm từ “hết chỗ nói” ” thường dùng trong ngôn ngữ sinh hoạt, không phù hợp với văn bản nghị luận.

Sửa: *Vợ chồng Nghị Quế thật vô cùng tàn ác*!

10. Lỗi: Cụm từ “quá chừng ” thường dùng trong ngôn ngữ sinh hoạt, không phù hợp với văn bản nghị luận.

Sửa: *Đọc tác phẩm, em thấy thương và cảm phục anh thanh niên vô cùng.*

**Bài tập 4:** Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy phân tích và sửa chữa các lỗi dùng từ về ngữ pháp, lỗi lặp từ, lặp nghĩa, lỗi dùng từ không đúng phong cách ngôn ngữ (nếu có).

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM**

**I**. **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Đặc điểm của bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm**

**-** Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm là nêu ý kiến, sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người có thói quen, quan niệm chưa đúng, tiêu cực thay đổi theo chiều hướng đúng đắn, tích cực.

+ *Thói quen* là những cử chỉ, hành động lặp đi lặp lại lâu ngày.

Ví dụ về thói quen xấu: thói quen vứt rác bừa bãi; lãng phí thời gian, ỷ lại người khác*,* dùng thuốc kháng sinh tuỳ tiện,…

*+ Quan niệm* là cách hiểu, cách nhận thức,… của mỗi người về một vấn đề.

Ví dụ về quan niệm chưa đúng đắn như: có tiền là có tất cả, không chơi với những bạn học kém hơn, im lặng là vàng,...

+ Vấn đề có thể là một tư tưởng, đạo lí; một hiện tượng có thực trong đời sống con người hoặc một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

**2. Yêu cầu đối với bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm**

**- Tìm hiểu đề (đọc kĩ đề bài; xác định đối tượng của bài viết, mục đích của bài viết thuyết phục từ bỏ thói quen hoặc quan niệm nào).**

**- Nêu lí do và phân tích các ảnh hưởng tiêu cực, tác hại của thói quen, quan niệm cần phải thay đổi, từ bỏ.**

**- Có các dẫn chứng cụ thể, sinh động về những ảnh hưởng tiêu cực, tác hại của thói quen, quan niệm đó. Ví dụ:**

**+ Các *số liệu* thống kê**

**+ Các *ví dụ cụ thể*, sự kiện hoặc tình huống mà bả thân đã trải qua.**

**+ Các *câu chuyện* truyền tải thông điệp phù hợp với quan niệm của em**

**+ Các *trích dẫn phát biểu* của những người có liên quan.**

**- Dự đoán phản ứng và lập luận của người có thói quen, quan niệm mà em muốn thuyết phục để nêu ý kiến phản biện của em.**

**3. Dàn ý chung của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm**

**\* Mở bài:** Dẫn dắt và nêu thói quen hoặc quan điểm cần thuyết phục người khác từ bỏ.

**\* Thân bài:** Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để thuyết phục người khác từ bỏ thói quen hoặc quan niệm đó.

**\* Kết bài:** Khẳng định lại thông điệp mọi người cần từ bỏ thói quen hoặc quan niệm chưa tốt; rút ra bài học cho bản thân.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

**Đề 01:** Lạm dụng thuốc kháng sinh là một thói quen phổ biến của nhiều người hiện nay. Em hãy viết một bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**Đề 02:** Một người bạn của em luôn tin tưởng và hành động theo phương châm “Im lặng là vàng”. Hãy viết bài văn nghị luận để thuyết phục người bạn đó cần nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn.

**Đề 03:** Trì hoãn công việc là thói quen xấu của nhiều người hiện nay. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**Đề 04:** Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

🡺**GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài văn nghị luận:**

|  |
| --- |
| **Đề 01:** Lạm dụng thuốc kháng sinh là một thói quen phổ biến của nhiều người hiện nay. Em hãy viết một bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này. |

***Gợi ý***

**1. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết:

Mọi người cần từ bỏ việc lạm dụng thuốc kháng sinh bởi thói quen này dẫn đến nhiều nguy cơ mà con người phải đối mặt trong điều trị bệnh tật.

**2. Thân bài:** Triển khai vấn đề cần nghị luận: Người viết có thể sắp xếp các ý theo trật tự khác nhau, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh:

- **Giải thích thế nào là thuốc kháng sinh, lạm dụng thuốc kháng sinh và trình bày thực trạng** lạm dụng thuốc kháng sinh hiện nay trong cộng đồng:

+ Kháng sinh là các loại thuốc được con người phát minh để chống lại khả năng phát triển, sinh sôi của vi khuẩn gây bệnh và tiêu diệt chúng.

+ Lạm dụng thuốc kháng sinh là sử dụng sai, bừa bãi, không đúng loại thuốc, không đúng liều lượng các loại thuốc kháng sinh khi mắc bệnh.

+ **Hiện nay, tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh đang gia tăng ở nước ta và trên thế giới.** Ở nước ta việc mua thuốc kháng sinh dễ như mua rau, bán kháng sinh dễ như bán tạp hóa khiến cho nhiều người chỉ mới cảm sốt hay ho, dù chưa cần dùng đến kháng sinh, nhưng cũng có thể tự ý sử dụng kháng sinh.

Dẫn chứng: Từ năm 2009 đến nay, số lượng thuốc kháng sinh ở Việt Nam bán ra ngoài cộng đồng đã tăng gấp 2 lần. Nguyên nhân chính là do lạm dụng kháng sinh, có tới 88% kháng sinh tại thành thị được bán ra mà không cần kê đơn, ở nông thôn tỉ lệ lên đến 91%.

* **Những lí do để mọi người nên từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh:**

+ Lạm dụng thuốc kháng sinh gây lãng phí tiền bạc bởi nhiều bệnh do virut không chữa được bằng kháng sinh mà vẫn dùng kháng sinh.

+ Lạm dụng thuốc kháng sinh gây khó khăn cho việc chẩn đoán, điều trị bệnh. Ví dụ: bệnh nhân bị viêm ruột thừa cấp mà dùng kháng sinh sẽ làm cho lu mờ các triệu chứng gây khó chẩn đoán. Sử dụng nhiều kháng sinh và liều cao có khả năng gây suy tủy, nhất là trường hợp sử dụng chloramphenicol nhiều. Một số kháng sinh như streptomycine, kanamycine dùng liều cao có thể gây điếc và suy thận.

+ Lạm dụng kháng sinh làm cho vi khuẩn nhờn thuốc, dẫn đến tình trạng kháng thuốc kháng sinh, gây nguy hiểm cho tính mạng.

**Dẫn chứng:** Tổ chức Y tế Thế giới xếp Việt Nam vào nhóm các nước có tỉ lệ kháng kháng sinh cao nhất thế giới. Trong khi nhiều quốc gia phát triển đang còn sử dụng kháng sinh thế hệ 1 có hiệu quả thì Việt Nam đã phải sử dụng tới kháng sinh thế hệ 3 và 4. Đáng lo ngại hơn, ở nước ta đã xuất hiện một vài loại siêu vi khuẩn kháng lại tất cả các loại kháng sinh. Phổ biến nhất là nhóm vi khuẩn gram âm đường ruột.

**- Dự đoán lập luận của người có thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh để phản biện lại:**

**+ Người có thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là: dựa vào hướng dẫn của người bán thuốc; tham khảo thông tin trên mạng; không có thời gian để đi khám bác sĩ,…**

**+ Người viết có thể phản biện lại: Người bán thuốc không phải là bác sĩ khám bệnh nên họ không đủ kiến thức chuẩn đoán và kê đơn điều trị cho người bệnh; nhiều trang thông tin trên mạng chưa được kiểm duyệt nên độ tin cậy không cao; sức khoẻ là điều đáng quý nên cần phải sắp xếp thời gian để khám bệnh tại những nơi uy tín,…**

**- Làm thế nào để từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh?**

**+ Mỗi người cần hiểu đúng và đầy đủ tác hại của việc lạm dụng thuốc kháng sinh.**

**+ Khi có bệnh, cần đi khám bác sĩ; mua và sử dụng thuốc theo đúng chỉ định của bác sĩ.**

**+** Luôn dùng kháng sinh đủ liều, ngay cả khi sức khỏe đã khá hơn; không dùng thuốc kháng sinh thừa từ lần sử dụng trước. Không chia sẻ, dùng chung thuốc kháng sinh của mình với người khác.

**3. Kết bài:** Khẳng định lại thông điệp mọi người cần từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh vì một cuộc sống khoẻ mạnh, an toàn cho bản thân và cộng đồng.

**Đề 02:** Một người bạn của em luôn tin tưởng và hành động theo phương châm “Im lặng là vàng”. Hãy viết bài văn nghị luận để thuyết phục người bạn đó cần nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn.

***Gợi ý***

**1. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết:

Câu nói "Im lặng là vàng" mang hàm ý khuyên mỗi người trong giao tiếp nên biết giữ im lặng, không nên tự bộc lộ mình hoặc can thiệp vào công việc của người khác, đó mới là khôn ngoan, chín chắn. Song có phải khi nào im lặng cũng là đúng đắn, tốt đẹp?

**2. Thân bài:** Triển khai vấn đề cần nghị luận: Người viết có thể sắp xếp các ý theo trật tự khác nhau, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người bạn của em nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn:

- **Giải thích thế nào im lặng và hiểu thế nào về quan niệm “im lặng là vàng”?**

+ Im lặng là biểu hiện của việc biết kiểm soát cảm xúc và lời nói trong những hoàn cảnh cụ thể.

+ Quan niệm “Im lặng là vàng” muốn đề cao giá trị của việc im lặng đúng lúc, đúng chỗ

* **Những trường hợp nào thì im lặng là vàng?**

Trong cuộc sống của chúng ta, im lặng mang đến vô vàn những giá trị:

+ Im lặng là biểu hiện của nghị lực, bản lĩnh của con người trong việc kiềm chế cảm xúc bản thân, điềm tĩnh và cẩn trọng trong lời nói, trong hành động. Điều đó giúp ta tránh khỏi những mâu thuẫn, những cơn tức giận, không gây ra những hậu quả đáng tiếc khi có ai đó lăng mạ, chửi bới, xúc phạm mình.

+ Sự im lặng còn thể hiện sự chín chắn, biết cách cư xử hợp lý, cũng như thể hiện ra một con người biết suy nghĩ. Đó là cách thể hiện sự thông minh của bản thân.

+ Im lặng để cảm thông, thấu hiểu mọi điều, mọi người

+ Im lặng giúp ta tập trung làm việc cao hơn từ đó cho năng suất lao động lớn hơn.

* **Những trường hợp nào thì không nên im lặng?**

Nhưng không phải lúc nào im lặng cũng là vàng. Trong nhiều trường hợp, sự im lặng lại là biểu hiện của sự ích kỉ và sự hèn nhát của con người:

+ Im lặng trước cái xấu, cái ác đang hoành hành đó là sự im lặng sai lầm. Sự im lặng đó tạo điều kiện cho cái xấu lên ngôi, lây lan, phát triển. Sự im lặng ở đây đồng nghĩa với lối sống thờ ơ, vô trách nhiệm.

+ Im lặng đôi khi cũng mang đến những thiệt thòi không đáng có. Bởi vì im lặng mà người khác không phát hiện hay chú ý đến mình. Nhiều người tỏ ra xem thường những người chỉ biết im lặng, cam chịu, không dám đấu tranh.

+ Im lặng còn có thể tàn phá một mối quan hệ tốt đẹp khi hai người đang có mẫu thuẫn. Bởi nếu cả hai cùng im lặng không trao đổi để tìm ra hướng giải quyết chung, chắc chắn mối quan hệ của hai người cũng chấm dứt từ đó.

**Dẫn chứng về những lời phát biểu liên quan:**

+ [“*Trong thế giới này chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người t*ốt” (Martin Luther King)](https://theki.vn/nghi-luan-trong-the-gioi-nay-chung-ta-khong-chi-xot-xa-vi-nhung-hanh-dong-va-loi-noi-cua-nguoi-xau-ma-con-ca-vi-su-im-lang-dang-so-cua-nguoi-tot-6336-2/)

+ Pythagos từng nói: “*Im lặng là cấp độ cao nhất của sự khôn ngoan. Ai không biết im lặng là không biết nói*”. Còn Martin Luther King Jr lại phát biểu: “*Cuộc sống chúng ta bắt đầu chấm dứt ngay trong cái ngày mà chúng ta giữ im lặng trước những vấn đề hệ trọng*”.

* **Dự đoán lập luận của những người muốn im lặng trước mọi tình huống và dự kiến lời phản biện lại:**

**+ Người có quan niệm “im lặng là vàng” có thể đưa ra lời biện minh cho mình là: việc ai người nấy làm, không nên can thiệp vào chuyện người khác để tránh liên luỵ; không dám lên tiếng tố cáo những hành vi sai lầm mà mình biết vì muốn giữ gìn mối quan hệ,…**

**+ Người viết có thể phản biện lại: nếu không lên tiếng trước những hành vi sai trái thì một ngày nào đó bản thân mình sẽ trở thành nạn nhân tiếp theo; nói ra những hành vi sai trái của một người cũng là cách giúp họ tỉnh ngộ, không lún sâu vào con đường tội lỗi,…**

- **Làm thế nào để thực hiện quan niệm “im lặng là vàng” đúng đắn?  
+ Cần phân biệt việc im lặng và lên tiếng đúng lúc, đúng chỗ.** Cần phải biết cân bằng giữa im lặng và lên tiếng phá vỡ im lặng khi cần thiết, không phải lúc nào sự im lặng cũng là vàng.

+ **Cần rèn luyện thói quen biết nêu ý kiến của bản thân mình trước những vấn đề gặp phải trong cuộc sống một cách hợp lí.**

**3. Kết bài:** Khẳng định lại thông điệp mọi người cần hiểu và im lặng đúng chỗ, đúng lúc. Hãy lựa chọn lời nói, thời điểm, phát ngôn thích hợp để vừa giúp bản thân, vừa thúc đẩy xã hội phát triển.

**Đề số 03:** Trì hoãn công việc là thói quen xấu của nhiều người hiện nay. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

***Gợi ý***

1. **Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết

Để thực hiện những mục tiêu, dự định, con người cần lên kế hoạch và hành động để thực hiện theo đúng kế hoạch đã đặt ra Thói quen trì hoãn công việc là thói quen xấu phá vỡ những kế hoạch của con người và khiến ta không bao giờ chạm tay được đến thành công. Bởi vậy, thói quen này nhất định phải được thay đổi.

**2. Thân bài**

**\* Giải thích thế nào là thói quen trì hoãn và thực trạng của thói quen này:**

- Trì hoãn trong công việc: là chần chừ, lề mề, rề rà, chưa muốn bắt tay vào làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới làm và giải quyết.

- Thói quen trì hoãn công việc lại là thói quen được lặp đi lặp lại nhiều lần ở con người.

- Thực trạng: Đây là thói quen xấu mà rất nhiều người mắc phải, tuỳ theo mức độ nặng nhẹ.

**\*Những lí do để mọi người nên từ bỏ thói quen trì hoãn công việc:**

- Tác hại với cá nhân:

+ Thói quen trì hoãn và viện cớ sẽ khiến chúng ta giậm chân tại chỗ, không nỗ lực bắt tay vào hành động, do đó không đạt được những gì mình mong ước. Trì hoãn công việc ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và kết quả của công việc, trì hoãn khiến ta không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn

+ Trì hoãn khiến cho con người bỏ lỡ những cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị của bản thân.

+ Thói quen trì hoãn công việc còn làm nảy sinh tính bê trễ, thiếu kỉ luật, trách nhiệm với bản thân cũng như với công việc được giao, từ đó hình thành tâm lí ỷ lại, lười biếng.

- Tác hại với tập thể, xã hội:

+ Thói quen trì hoãn công việc sẽ khiến cho công việc của tập thể chậm tiến độ, khó hoàn thành mục tiêu đã đặt ra đúng hạn.

+ Thói quen xấu này là lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội.

***\** Dự đoán lập luận của người có thói quen trì hoãn công việc để phản biện lại:**

**- Người có thói quen trì hoãn công việc có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là:**

**+ Vì trong cuộc sống có thể có những điểu bất thường xảy ra nằm ngoài dự tính nên** buộc con người phải trì hoãn công việc đang thực hiện để giải quyết những vấn đề trước mắt.  
 **+ Áp lực công việc, không có đủ thời gian để hoàn thành công việc nên phải tạm thời trì hoãn;**

**+ Nhiều người nghĩ rằng bản thân mình còn nhiều thời gian nên chưa vội làm việc đó luôn, đi kèm đó là lời hứa “một ngày nào đó” họ sẽ làm,…**

**+ Do người người bị ép buộc làm những công việc họ không yêu thích nên** sự hưng phấn sẽ giảm sút đi và không có nhiều động lực để thôi thúc họ háo hức bắt đầu công việc.  
**- Người viết có thể phản biện lại: Thời gian không chờ đợi ai. Chỉ khi bắt tay vào hành động thì ta mới tháo gỡ được những khó khăn và giải quyết được những công việc. Công việc là do bạn lựa chọn nên bạn phải có trách nhiệm với công việc đó.**

**\* Làm thế nào để từ bỏ thói quen trì hoãn trong công việc?**

**+ Mỗi người** cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện kĩ năng, tiếp thu lĩnh hội kiến thức mới mẻ để không trì hoãn công việc mỗi khi thấy khó. Hãy tập yêu công việc- thứ gắn bó với bạn mỗi người.

+ Nỗ lực học hỏi, sáng tạo, giải quyết nhanh công việc, không để tồn đọng công việc sẽ gây ảnh hưởng đến người khác.

+ Hãy nghĩ tới tương lai, đích đến, cảm giác chinh phục được mục tiêu của mình sẽ tuyệt vời như thế nào. Hãy để chúng dẫn lối và tạo động lực cho bạn.

+ Và quan trọng là hãy bắt tay vào việc đi, đừng trì hoãn. Không quan tâm đến đó là việc gì, chỉ cần biết rằng nó phục vụ cuộc sống tương lai của bạn là đủ

**3. Kết bài**

- Khái quát, khẳng định lại tác hại tiêu cực của thói quen trì hoãn công việc.

- Rút ra bài học cho bản thân cần sống có trách nhiệm, tự giác hoàn thành công việc đúng thời hạn, sống có kỉ luật.

**Đề số 04:** Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

***Gợi ý***

**1. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết

Ô nhiễm môi trường luôn là vấn đề bức thiết, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Một trong những nguyên nhân gây nên nạn ô nhiễm môi trường là do thói quen xả rác bừa bãi của con người. Đây là thói quen xấu phổ biến của nhiều người cần phải từ bỏ.

**2. Thân bài**

**\* Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi và thực trạng của thói quen này:**

 - Vứt rác bừa bãi là vứt rác tuỳ ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc gây nên ô nhiễm môi trường.

- Vứt rác bừa bãi là thói quen xấu xảy ra ở nhiều người, nhiều địa điểm: cầu cống, sông ngòi, đường xã, các khu du lịch, bãi biển, trên các phương tiện công cộng,…

**\*Những lí do mọi người nên từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi:**

- Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.

- Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.

- Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải.

- Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại: Lối sống của mỗi người ngày càng văn minh, tiến độ ứng xử có văn hóa. Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay, đường phố xanh - sạch - đẹp là một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác.

***\** Dự đoán lập luận của người có thói quen trì xả rác bừa bãi để phản biện lại:**

**- Người có thói quen xả rác bừa bãi có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là:** do thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.

**- Người viết có thể phản biện lại: Nếu bạn thực sự có ý thức bảo vệ môi trường thì bạn sẽ biết cách hành động bỏ rác đúng nơi quy định, dù việc đó có mất thêm thời gian của bạn.**

**\* Làm thế nào để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi?**

- Mỗi người cần nâng cao ý thức của mình trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.

- Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: *Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,...*

*-* Tuyên truyền những người xung quanh cùng chung tay giữ gìn môi trường sống xung quanh sạch sẽ, trong lành*.*

**3. Kết bài:**

- Nêu suy nghĩ của bản thân về “vứt rác bừa bãi”

- Tuyên truyền và động viên mọi người trong việc bảo vệ môi trường.

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 3**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Cách 1: Đề tự luận 100%**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 20 | 40 |
| **2** | Làm văn | 25 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 70 | 60 |
| **Tổng** | | **40** | **15** | **30** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu trích đoạn kịch bản chèo/ tuồng (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Xác định được nhân vật chính/ sự việc, các chỉ dẫn sân khấu.  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: đề tài, tích truyện, chủ đề, thông điệp,…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động, tâm trạng,…; tác dụng của các chỉ dẫn sẫn khấu, các hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc; ngôn ngữ chèo/ tuồng,…  - Hiểu được một số đặc trưng của sân khấu chèo hoặc tuồng.  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Nêu được suy nghĩ về nhân vật; rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm. | **Nhận biết:**  - Xác định được thói quen/ quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.  - Xác định được cách thức trình bày bài văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về các lí do để thuyết phục người khác từ bỏ thói quen/ quan điểm; nêu cách thức từ bỏ..  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận để thuyết phục người khác từ bỏ thói quan/ quan điểm  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về thói quen/ quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

**XÃ TRƯỞNG – MẸ ĐỐP(\*)**

(Trích chèo *Quan Âm Thị Kinh*)

XÃ TRƯỞNG: […]

(Gọi) Thằng bố Đốp đâu?

MẸ ĐỐP: Đứa nào đốp chát gì ngoài ấy?

XÃ TRƯỞNG: Tao đây! Thầy xã đây! Ra ngay có việc cần nhá!

MẸ ĐỐP: Bố cháu trẩy1 tỉnh lĩnh bằng2 rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Làm cái thứ mõ3 thì bằng với sắc gì?

MẸ ĐỐP: Dạ, bố cháu cắp tráp4 theo hầu cụ Bá lên tỉnh lĩnh bằng rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Có chăng thì thế! Chồng vắng thì vợ thay, ra ngay thầy bảo!

MẸ ĐỐP: Này chị em ơi,

(hát) Thương chồng nên phải lầm than

Phép đâu có bắt việc quan đàn bà.

(xưng danh) Thánh đế lên ngôi

Chằng giấu gì mẹ Đốp là tôi

Tuy hình dung miệng nói dằng cò5

Khách đến nhà, Đốp mới bò ra

Miệng chào khách những câu như cắt

Ngày hôm nay xướng ca lạc đạc6

Dựng mõ lên cung phụng làm trò.

Ô rằng vậy:

Chẳng giấu gì mẹ đình đám là tôi

Nghề ăn nói tôi vào trang đúng mực

Bất phận danh nhi tài túc

Vô chế lệnh nhi dân tòng7

Một mình tôi cả xã ngóng trông

Điều phải trái tôi nay trước bảo!

XÃ TRƯỞNG: Con này láo! Mày vất tao đi mà trước bảo dân tao à?

MẸ ĐỐP: Nó là thế này: Làng có việc gì, thầy sai con đi rao mõ, thời chẳng phải

là lên trước bảo là gì?

Từ việc hỉ cho tới việc hảo8

Giấy quan về là phải báo với tôi

Tôi chưa ra là làng chửa được ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Cái con mẹ Đốp này! Nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân9.

Mày chưa ra thì làng chưa được ngồi thời mày là bà tiên chỉ làng này à?

MẸ ĐỐP: Dạ, nó là thế này: Con chưa ra trải chiếu thì làng ngồi xuống đất hay sao?

XÃ TRƯỞNG: Ờ con mẹ Đốp nó nói thế mà có lí !

MẸ ĐỐP: Có thơ rằng:

Mõ tôi cả tiếng10 lại dài hơi

Một xã cử bầu chẳng phải chơi

Mộc đạc11 vang lừng hoà cả xã

Kim Thanh12 dóng dả13 khắp đòi nơi

Gần xa chốn chốn đều nghe hiệu

Làng nước ai ai cũng quý nhời14

Muôn việc sửa sang quyền cắt đặt

Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Thơ hay đấy nhỉ.

MẸ ĐỐP: Thầy có mang giấy bút đi không?

XÃ TRƯỞNG: Giấy bút để làm gì?

MẸ ĐỐP: Thầy khen thơ hay thì chép lấy đem về nhà mà treo!

XÃ TRƯỞNG: Hay là hay với cánh mõ nhà mày, chứ xã trưởng lại treo thơ mõ à?

MẸ ĐỐP: Sao thầy lại cứ nhìn tôi thế vậy?

XÃ TRƯỞNG: Nhà Đốp lớp này xem ra bảnh gái dễ coi lắm nhỉ?

Bụng mày độ này coi to lắm. Mày đã mấy con rồi?

MẸ ĐỐP: Thưa thầy, con còn hiếm lắm ạ! Mới được có mười cháu thôi ạ,

XÃ TRƯỞNG: Tốt nái gớm nhỉ? Này, nhà Đốp! Hôm nào mát giời,

tao sang gửi mày một đứa nhá!

MẸ ĐỐP: Thầy chớ nói vậy! Bố cháu đứng ngoài kia

nó nghe thấy rồi nó lại ghen!

XÃ TRƯỞNG: Ghen cái gì? Thấy mày mát tay nên tao định đưa sang gửi mày nuôi

hộ vài đứa chứ tao lại thèm… thèm… ấy à? Dở hồn!

Sao cũng có ngày đấy! Thôi đi rao mõ đi!

[…]

( Theo Hà Văn Cầu (chủ biên), *Kịch bản chèo*, quyển 1, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014)

**Chú giải:**

**(\*)** *Xã trưởng – Mẹ Đốp*: là một đoạn trích trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, nội dung xoay quanh cuộc trao đổi giữa xã trưởng (người quản lí xã) với mẹ Đốp (vợ cuủa người mõ làng) về việc đi rao mõ, thông báo cho cả làng biết tin Thị Mầu mang thai khi chưa có chồng**.**

1 *Trẩy*: đi đến một nơi xa.

2 *Bằng sắc*: giấy phong chức tước hoặc khen thưởng do vua ban.

3 *Mõ*: nghĩa gốc chỉ một đồ dùng hình ống tre hoặc gỗ, thường được sử dụng để làm tính hiệu, kêu gọi sự chú ý của dân làng mỗi khi có việc chung cần thông báo. Mõ làng là người chuyên đi gõ mõ, thông báo cho cả làng mỗi khi có tin tức hoặc hiệu lệnh. Trong tổ chức làng xã phong kiến Việt Nam, mõ làng được xếp vào hạng cùng đinh, tức vị thế thấp nhất trong làng và thường bị dân làng khinh miệt.

4  *Tráp:* hộp nhỏ bằng gỗ, đựng giấy tờ, đồ dùng.

5 *Dằng cò* (tiếng cổ): giằng co, gay gắt.

6 *Lạc đạc* (tiếng cổ): lác đác, thưa thớt đây đó.

7 *Vô chí lệnh nhi dân tòng*: không có chức vụ gì nhưng của cải vẫn đầy đủ, không có mệnh lệnh, ép buộc gì nhưng dân vẫn theo.

8  *Việc h*ỉ: tin cưới hỏi; *việc hảo*: tin tốt lành

9*Nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân*: càng thường ngày càng quá quắt, đùa quá hoá thật.

10  *Tiên chỉ:* người có địa vị cao nhất trong làng, thường được giao chủ trì những buổi tế lễ.

11 *Cả tiếng* (tiếng cổ): lớn tiếng

12 *Mộc đạc*: chiếc mõ bằng ống gỗ, thường dùng.

13 *Kim thanh*: tiếng chuông đồng, đôi khi chuông được đánh chung với mõ.

14 *Dóng dả* (gióng giả): chỉ âm thanh vang lên liên tục, như giục giã, nhắc nhở.

15  *Nhời:* lời (phương ngữ Bắc Bộ).

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định các chỉ dẫn sân khấu trong đoạn trích.

**Câu 2**. Mẹ Đốp thuộc kiểu nhân vật nào trong các kiểu nhân vật chính yếu của chèo cổ?

**Câu 3**. Chỉ ra ít nhất 2 lời đối đáp giữa xã trưởng và mẹ Đốp cho thấy sự hoạt ngôn, sắc sảo của nhân vật mẹ Đốp.

**Câu 4.** Qua đoạn trích trên, anh/chị có nhận xét gì về thái độ, tính cách của nhân vật xã trưởng?

**Câu 5.** Xây dựng nhân vật mẹ Đốp, tác giả muốn chuyển tải tư tưởng gì?

**Câu 6**. Trong hai nhân vật xã trưởng và mẹ Đốp, anh/chị ấn tượng với nhân vật nào hơn? Vì sao? Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn (khoảng 3 - 5 câu).

**PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)**

Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Các chỉ dẫn sân khấu có trong đoạn trích:   * Xã trường: (gọi) * Mẹ Đốp: (hát), (xưng danh)   ***Hướng dẫn chấm***: Mỗi ý 0,25 điểm | 0,5 |
| **2** | Mẹ Đốp thuộc kiểu nhân vật hề (hề áo ngắn – hề tích cực). Đây là kiểu nhân vật hài hước, gây cười.  ***Hướng dẫn chấm***: Trả lời đúng như đáp án 0,5 điểm | 0,5 |
| **3** | 02 lời đối đáp giữa xã trưởng và mẹ Đốp cho thấy sự hoạt ngôn, sắc sảo của nhân vật mẹ Đốp:   1. MẸ ĐỐP: Bố cháu trẩy1 tỉnh lĩnh bằng2 rồi ạ!   XÃ TRƯỞNG: Làm cái thứ mõ3 thì bằng với sắc gì?  MẸ ĐỐP: Dạ, bố cháu cắp tráp4 theo hầu cụ Bá lên tỉnh lĩnh bằng rồi ạ!   1. MẸ ĐỐP: Điều phải trái tôi nay trước bảo!   XÃ TRƯỞNG: Con này láo! Mày vất tao đi mà trước bảo dân tao à?  MẸ ĐỐP: Nó là thế này: Làng có việc gì, thầy sai con đi rao mõ, thời chẳng phải  là lên trước bảo là gì?   1. MẸ ĐỐP: Tôi chưa ra là làng chửa được ngồi.   XÃ TRƯỞNG: Cái con mẹ Đốp này! Nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân9.  Mày chưa ra thì làng chưa được ngồi thời mày là bà tiên chỉ làng này à?  MẸ ĐỐP: Dạ, nó là thế này: Con chưa ra trải chiếu thì làng ngồi xuống đất hay sao?  ***Hướng dẫn chấm***: Mỗi ý 0,25 điểm | 0,5 |
| **4** | Nhận xét gì về thái độ, tính cách của nhân vật xã trưởng qua đoạn trích:   * Coi thường những người thấp kém hơn mình. * Tuy là đại diện cho tầng lớp chức dịch ở địa phương nhưng lại bộc lộ bản chất ngu ngốc, tự giễu mình trên sân khấu, lại còn có tính hám sắc, trêu ghẹo người khác.   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0 ,75 điểm*  *- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm*  **-** *Trả lời được 1 phần của ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 0,75 |
| **5** | * Nhân vật mẹ Đốp đại diện cho những người có địa vị thấp kém nhất trong xã hội, làm nghề hầu hạ, giúp việc cho quan lại nhưng bằng lối đối đáp hoạt ngôn, sắc sảo, mẹ Đốp lại chửi đốp chát vào mặt quan lại mà chúng phải chịu vì mẹ Đốp chửi có chữ, có lí, không ai bắt bẻ được.(0,25 điểm) * Qua việc xây dựng nhân vật mẹ Đốp, tác giả dân gian muốn đả kích tầng lớp quan lại địa phương – những kẻ đại diện cho công lí nhưng lại ngu ngốc, háo sắc, cậy quyền; đồng thời thể hiện tư tưởng dân chủ của nhân dân lao động, “là mua vui cho quần chúng nhưng là gươm giáo đối với kẻ thù”. (0,5 điểm)   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời được 2 ý như đáp án: 0,75 điểm.*  *- Chỉ trả lời được ý 1 như đáp án: 0,25 điểm*  *- Chỉ trả lời được ý 2 như đáp án: 0,5 điểm*  *- Chỉ trả lời được 1 phần của ý 2: 0,25 điểm* | 0,75 |
|  | **6** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:  **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;  **- Nội dung:** Nêu nhân vật mà bản thân thấy ấn tượng hơn (xã trưởng hoặc mẹ Đốp). Đưa ra lí do.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề:0,25 điểm.*  *- Đưa ra được cảm nhận về nhân vật: 0,75 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **6,0** |
|  |  | **Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen xả rác bừa bãi. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **\* Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi và thực trạng của thói quen này:**   - Vứt rác bừa bãi là vứt rác tuỳ ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc gây nên ô nhiễm môi trường.  - Vứt rác bừa bãi là thói quen xấu xảy ra ở nhiều người, nhiều địa điểm: cầu cống, sông ngòi, đường xã, các khu du lịch, bãi biển, trên các phương tiện công cộng,… | 0,5 |
| **\*Những lí do mọi người nên từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi:**  - Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.  - Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.  - Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải.  - Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại: Lối sống của mỗi người ngày càng văn minh, tiến độ ứng xử có văn hóa. Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay, đường phố xanh - sạch - đẹp là một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác.  ***\** Dự đoán lập luận của người có thói quen trì xả rác bừa bãi để phản biện lại:**  **- Người có thói quen xả rác bừa bãi có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là:** do thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.  **- Người viết có thể phản biện lại: Nếu bạn thực sự có ý thức bảo vệ môi trường thì bạn sẽ biết cách hành động bỏ rác đúng nơi quy định, dù việc đó có mất thêm thời gian của bạn.**  **\* Làm thế nào để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi?**  - Mỗi người cần nâng cao ý thức của mình trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.  - Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: *Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,...*  *-* Tuyên truyền những người xung quanh cùng chung tay giữ gìn môi trường sống xung quanh sạch sẽ, trong lành*.*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm – 3,0 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,5 điểm – 2,25 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 1,25 điểm.* | 3,0 |
| - Khẳng định lại thói quen xả rác bừa bãi là thói quen xấu mà mọi người nhất định phải thay đổi.   * Rút ra bài học cho bản thân: Thay đổi thói quen, bảo vệ môi trường để góp phần tạo nên Trái Đất xanh.   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**Cách 2: Kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Đọc hiểu trích đoạn kịch bản chèo/ tuồng (Ngoài SGK) | 3 | 0 | 4 | 1 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu trích đoạn kịch bản chèo/ tuồng (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Xác định được nhân vật chính/ sự việc, các chỉ dẫn sân khấu.  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: đề tài, tích truyện, chủ đề, thông điệp,…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: nghệ thuật xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ, hành động, tâm trạng,…; tác dụng của các chỉ dẫn sẫn khấu, các hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc; ngôn ngữ chèo/ tuồng,…  - Hiểu được một số đặc trưng của sân khấu chèo hoặc tuồng.  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Nêu được suy nghĩ về nhân vật; rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | 3TN | 4TN  1TL | 2TL | 0 | 10 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm. | **Nhận biết:**  - Xác định được thói quen/ quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.  - Xác định được cách thức trình bày bài văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về các lí do để thuyết phục người khác từ bỏ thói quen/ quan điểm; nêu cách thức từ bỏ..  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận để thuyết phục người khác từ bỏ thói quan/ quan điểm  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về thói quen/ quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* | 1 |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **4TN, 1TL** | **2 TL** | **1 TL** | **11** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** | ***100*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | | **100** |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

**XÃ TRƯỞNG – MẸ ĐỐP(\*)**

(Trích chèo *Quan Âm Thị Kinh*)

XÃ TRƯỞNG: […]

(Gọi) Thằng bố Đốp đâu?

MẸ ĐỐP: Đứa nào đốp chát gì ngoài ấy?

XÃ TRƯỞNG: Tao đây! Thầy xã đây! Ra ngay có việc cần nhá!

MẸ ĐỐP: Bố cháu trẩy1 tỉnh lĩnh bằng2 rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Làm cái thứ mõ3 thì bằng với sắc gì?

MẸ ĐỐP: Dạ, bố cháu cắp tráp4 theo hầu cụ Bá lên tỉnh lĩnh bằng rồi ạ!

XÃ TRƯỞNG: Có chăng thì thế! Chồng vắng thì vợ thay, ra ngay thầy bảo!

MẸ ĐỐP: Này chị em ơi,

(hát) Thương chồng nên phải lầm than

Phép đâu có bắt việc quan đàn bà.

(xưng danh) Thánh đế lên ngôi

Chằng giấu gì mẹ Đốp là tôi

Tuy hình dung miệng nói dằng cò5

Khách đến nhà, Đốp mới bò ra

Miệng chào khách những câu như cắt

Ngày hôm nay xướng ca lạc đạc6

Dựng mõ lên cung phụng làm trò.

Ô rằng vậy:

Chẳng giấu gì mẹ đình đám là tôi

Nghề ăn nói tôi vào trang đúng mực

Bất phận danh nhi tài túc

Vô chế lệnh nhi dân tòng7

Một mình tôi cả xã ngóng trông

Điều phải trái tôi nay trước bảo!

XÃ TRƯỞNG: Con này láo! Mày vất tao đi mà trước bảo dân tao à?

MẸ ĐỐP: Nó là thế này: Làng có việc gì, thầy sai con đi rao mõ, thời chẳng phải

là lên trước bảo là gì?

Từ việc hỉ cho tới việc hảo8

Giấy quan về là phải báo với tôi

Tôi chưa ra là làng chửa được ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Cái con mẹ Đốp này! Nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân9.

Mày chưa ra thì làng chưa được ngồi thời mày là bà tiên chỉ làng này à?

MẸ ĐỐP: Dạ, nó là thế này: Con chưa ra trải chiếu thì làng ngồi xuống đất hay sao?

XÃ TRƯỞNG: Ờ con mẹ Đốp nó nói thế mà có lí !

MẸ ĐỐP: Có thơ rằng:

Mõ tôi cả tiếng10 lại dài hơi

Một xã cử bầu chẳng phải chơi

Mộc đạc11 vang lừng hoà cả xã

Kim Thanh12 dóng dả13 khắp đòi nơi

Gần xa chốn chốn đều nghe hiệu

Làng nước ai ai cũng quý nhời14

Muôn việc sửa sang quyền cắt đặt

Một mình một chiếu thảnh thơi ngồi.

XÃ TRƯỞNG: Thơ hay đấy nhỉ.

MẸ ĐỐP: Thầy có mang giấy bút đi không?

XÃ TRƯỞNG: Giấy bút để làm gì?

MẸ ĐỐP: Thầy khen thơ hay thì chép lấy đem về nhà mà treo!

XÃ TRƯỞNG: Hay là hay với cánh mõ nhà mày, chứ xã trưởng lại treo thơ mõ à?

MẸ ĐỐP: Sao thầy lại cứ nhìn tôi thế vậy?

XÃ TRƯỞNG: Nhà Đốp lớp này xem ra bảnh gái dễ coi lắm nhỉ?

Bụng mày độ này coi to lắm. Mày đã mấy con rồi?

MẸ ĐỐP: Thưa thầy, con còn hiếm lắm ạ! Mới được có mười cháu thôi ạ,

XÃ TRƯỞNG: Tốt nái gớm nhỉ? Này, nhà Đốp! Hôm nào mát giời,

tao sang gửi mày một đứa nhá!

MẸ ĐỐP: Thầy chớ nói vậy! Bố cháu đứng ngoài kia

nó nghe thấy rồi nó lại ghen!

XÃ TRƯỞNG: Ghen cái gì? Thấy mày mát tay nên tao định đưa sang gửi mày nuôi

hộ vài đứa chứ tao lại thèm… thèm… ấy à? Dở hồn!

Sao cũng có ngày đấy! Thôi đi rao mõ đi!

[…]

( Theo Hà Văn Cầu (chủ biên), *Kịch bản chèo*, quyển 1, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2014)

**Chú giải:**

**(\*)** *Xã trưởng – Mẹ Đốp*: là một đoạn trích trong vở chèo *Quan Âm Thị Kính*, nội dung xoay quanh cuộc trao đổi giữa xã trưởng (người quản lí xã) với mẹ Đốp (vợ cuủa người mõ làng) về việc đi rao mõ, thông báo cho cả làng biết tin Thị Mầu mang thai khi chưa có chồng**.**

1 *Trẩy*: đi đến một nơi xa.

2 *Bằng sắc*: giấy phong chức tước hoặc khen thưởng do vua ban.

3 *Mõ*: nghĩa gốc chỉ một đồ dùng hình ống tre hoặc gỗ, thường được sử dụng để làm tính hiệu, kêu gọi sự chú ý của dân làng mỗi khi có việc chung cần thông báo. Mõ làng là người chuyên đi gõ mõ, thông báo cho cả làng mỗi khi có tin tức hoặc hiệu lệnh. Trong tổ chức làng xã phong kiến Việt Nam, mõ làng được xếp vào hạng cùng đinh, tức vị thế thấp nhất trong làng và thường bị dân làng khinh miệt.

4  *Tráp:* hộp nhỏ bằng gỗ, đựng giấy tờ, đồ dùng.

5 *Dằng cò* (tiếng cổ): giằng co, gay gắt.

6 *Lạc đạc* (tiếng cổ): lác đác, thưa thớt đây đó.

7 *Vô chí lệnh nhi dân tòng*: không có chức vụ gì nhưng của cải vẫn đầy đủ, không có mệnh lệnh, ép buộc gì nhưng dân vẫn theo.

8  *Việc h*ỉ: tin cưới hỏi; *việc hảo*: tin tốt lành

9*Nhật nhật đa hĩ, lộng giả thành chân*: càng thường ngày càng quá quắt, đùa quá hoá thật.

10  *Tiên chỉ:* người có địa vị cao nhất trong làng, thường được giao chủ trì những buổi tế lễ.

11 *Cả tiếng* (tiếng cổ): lớn tiếng

12 *Mộc đạc*: chiếc mõ bằng ống gỗ, thường dùng.

13 *Kim thanh*: tiếng chuông đồng, đôi khi chuông được đánh chung với mõ.

14 *Dóng dả* (gióng giả): chỉ âm thanh vang lên liên tục, như giục giã, nhắc nhở.

15  *Nhời:* lời (phương ngữ Bắc Bộ).

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 3**. Chỉ ra ít nhất 2 lời đối đáp giữa xã trưởng và mẹ Đốp cho thấy sự hoạt ngôn, sắc sảo của nhân vật mẹ Đốp.

**Lựa chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. Sự việc trong đoạn trích diễn ra ở đâu?

A. Sân đình

B. Nhà Xã trưởng

C. Nhà mẹ Đốp

D. Nhà phú ông

**Câu 2**. Mẹ Đốp thuộc kiểu nhân vật nào trong các kiểu nhân vật chính yếu của vở chèo cổ *Quan Âm Thị Kính*?

1. Đào thương

B. Hề (nhân vật hài hước)

C. Mụ (người phụ nữ lớn tuổi)

D. Đào lẳng

**Câu 3**. Xác định các chỉ dẫn sân khấu có trong đoạn trích:

A. Xã trường: (gọi)

B. Mẹ Đốp: (hát), (xưng danh)

C. MẸ ĐỐP: “*Này chị em ơi*”

D. Cả hai đáp án A và B

**Câu 4.** Dòng nào sau đây **chưa đúng** về nhân vật mẹ Đốp trong đoạn trích?

A. Là hiện thân cho người dân bị coi là hèn kém

B. Luôn tự tin, làm chủ tình huống, giễu cợt tên xã trưởng.

C. Là người ghê gớm, chua ngoa, hoạt bát.

D. Ứng đối hoạt bát, thông minh

**Câu 5.** Dòng nào sâu đây phát biểu đúng về nhân vật xã trưởng qua đoạn trích?

A. Đồng cảm, bênh vực người dân thấp kém.

B. Gần gũi với nhân dân.

C. Luôn sát sao nắm bắt để xử lí các công việc trong làng

D. Coi thường những người thấp kém hơn mình.  
**Câu 6**: Đoạn trích thể hiện sự phê phán của nhân dân đối với đối tượng nào?

A. Loại phụ nữ lẳng lơ, không đoan chính

B. Loại đàn ông vũ phu

C. Loại quan lại háo sắc, hám tiền.

D. Loại quan lại địa phương cửa quyền, háo sắc

**Câu 7.** Dòng nào nhận xét đúng về ngôn ngữ của mẹ Đốp trong màn đối đáp ở đoạn trích?

A. Vừa táo tợn, vừa lẳng lơ

B. Vừa đoạn chính, vừa kín đáo

C. Vừa lém lỉnh, vừa hài hước.

D. Vừa ỡm ở, vừa ngớ ngẩn

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Yếu tố hài hước trong đoạn trích chủ yếu được tạo nên nhờ thủ pháp nghệ thuật nào?

**Câu 9.** Xây dựng nhân vật mẹ Đốp, tác giả muốn chuyển tải tư tưởng gì?

**Câu 10**. Trong hai nhân vật xã trưởng và mẹ Đốp, anh/chị ấn tượng với nhân vật nào hơn? Vì sao? Viết câu trả lời trong đoạn văn ngắn (khoảng 5 - 7 dòng).

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1 - 7** | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | | **C** | **B** | **D** | **C** | **D** | **D** | **C** |   ***Hướng dẫn chấm****:* Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm. | 3.5 |
| **8** | Yếu tố hài hước trong đoạn trích chủ yếu được tạo nên từ thủ pháp đối lập:   * Mẹ Đốp: hiện thân cho người dân bị xem là hèn kém nhưng lại ứng xử hoạt bát, thông minh, sắc sảo. * Xã trường: Tuy là đại diện cho tầng lớp chức dịch ở địa phương nhưng lại bộc lộ bản chất ngu ngốc, tự giễu mình trên sân khấu.   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời đầy đủ như đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 0.5 |
| **9** | * Nhân vật mẹ Đốp đại diện cho những người có địa vị thấp kém nhất trong xã hội, làm nghề hầu hạ, giúp việc cho quan lại nhưng bằng lối đối đáp hoạt ngôn, sắc sảo, mẹ Đốp lại chửi đốp chát vào mặt quan lại mà chúng phải chịu vì mẹ Đốp chửi có chữ, có lí, không ai bắt bẻ được.(0,25 điểm) * Qua việc xây dựng nhân vật mẹ Đốp, tác giả dân gian muốn đả kích tầng lớp quan lại địa phương – những kẻ đại diện cho công lí nhưng lại ngu ngốc, háo sắc, cậy quyền; đồng thời thể hiện tư tưởng dân chủ của nhân dân lao động, “là mua vui cho quần chúng nhưng là gươm giáo đối với kẻ thù”. (0,5 điểm)   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 1,0 điểm*  *- Trả lời chạm ý hoặc chưa rõ ràng: 0,5 điểm*  *- Trả lời sơ sài: 0,25 điểm*  *- Không trả lời: 0 điểm* | 1.0 |
| **10** | Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu:  **- Hình thức:** Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;  **- Nội dung:** Nêu nhân vật mà bản thân thấy ấn tượng hơn (xã trưởng hoặc mẹ Đốp). Đưa ra lí do.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Đảm bảo hình thức đoạn văn, đúng chủ đề:0,25 điểm.*  *- Đưa ra được cảm nhận về nhân vật: 0,75 điểm* | 1.0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **4.0** |
|  |  | **Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen xả rác bừa bãi. | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **\* Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi và thực trạng của thói quen này:**   - Vứt rác bừa bãi là vứt rác tuỳ ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc gây nên ô nhiễm môi trường.  - Vứt rác bừa bãi là thói quen xấu xảy ra ở nhiều người, nhiều địa điểm: cầu cống, sông ngòi, đường xã, các khu du lịch, bãi biển, trên các phương tiện công cộng,… | 0.5 |
| **\*Những lí do mọi người nên từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi:**  - Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.  - Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.  - Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải.  - Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại: Lối sống của mỗi người ngày càng văn minh, tiến độ ứng xử có văn hóa. Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay, đường phố xanh - sạch - đẹp là một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác.  ***\** Dự đoán lập luận của người có thói quen trì xả rác bừa bãi để phản biện lại:**  **- Người có thói quen xả rác bừa bãi có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là:** do thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.  **- Người viết có thể phản biện lại: Nếu bạn thực sự có ý thức bảo vệ môi trường thì bạn sẽ biết cách hành động bỏ rác đúng nơi quy định, dù việc đó có mất thêm thời gian của bạn.**  **\* Làm thế nào để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi?**  - Mỗi người cần nâng cao ý thức của mình trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.  - Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: *Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,...*  *-* Tuyên truyền những người xung quanh cùng chung tay giữ gìn môi trường sống xung quanh sạch sẽ, trong lành*.*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 1,25 điểm – 1,5 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 0,75 điểm – 1,0 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,5 điểm.* | 1.5 |
| - Khẳng định lại thói quen xả rác bừa bãi là thói quen xấu mà mọi người nhất định phải thay đổi.   * Rút ra bài học cho bản thân: Thay đổi thói quen, bảo vệ môi trường để góp phần tạo nên Trái Đất xanh.   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0.5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.